**Kính gửi thầy cô bài Bài 9- Chân Trời Sáng Tạo Lớp 9 để thầy cô chuẩn bị trước kịp lên lớp(lịch gửi có dao động chút bài 10 sẽ tiếp tục gửi dần sau). Mong thầy cô nhận bài thực hiện đúng cam kết bảo mật tài liệu để hai bên không bị ảnh hưởng.Trong file gửi mình có ẩn thông tin riêng từng thầy cô rồi.**

Nguyễn Nhâm 0981.713.891.

**Trân trọng!**

**Bài 9**

**NHỮNG BÀI HỌC TỪ TRẢI NGHIỆM ĐAU THƯƠNG**

**(Kịch - Bi kịch - 13 tiết)**

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết;  
Ôn tập: 1 tiết)

**Tiết theo PPCT: 113,114,115**

**DẠY ĐỌC**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC KỊCH - BI KỊCH**

**PƠ-LIÊM, QUỶ RIẾP VÀ HA-NU-MAN**

**(Lưu Quang Thuận – Lưu Quang Vũ)**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS (học sinh) có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: Xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Biết gìn giữ niềm tin và tình bạn trong sáng; nhận thức được hoàn cảnh sống của bản thân, gia đình, biết hành xử phù hợp.

**II. KIẾN THỨC**

- Đặc điểm cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ của kịch - bi kịch.

- Cách đọc kịch - bi kịch.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có).

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT.

- Sơ đồ, bảng biểu.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học**

***a. Mục tiêu:*** Có hứng thú về chủ đề học tập *Những bài học từ trải nghiệm đau thương;* xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và câu hỏi lớn của bài học.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu chủ điểm và câu hỏi lớn của bài học

**c*. Sản phẩm***:

- Phần ghi chép của HS về tên chủ điểm của bài học, thể loại sẽ học.

- Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập của phần Đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cuộc sống cho chúng ta nhiều cơ hội để trải nghiệm, từ đó, rút ra bài học. Theo em, từ những trải nghiệm đau thương trong cuộc sống, chúng ta có thể rút ra những bài học gì?  - Thể loại VB chính của bài học này là gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày ý kiến, các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp các ý kiến của HS, dẫn dắt vào bài học. | Gợi ý:  - Bài học: Cẩn trọng hơn, thấu đáo hơn, chững chạc, chín chắn hơn,...  - Thể loại chính: Bi kịch |

**2. Hoạt động xác định nhiệm vụ học tập**

***a. Mục tiêu:*** HS nhận biết nhiệm vụ học tập.

***b. Nội dung:***Hs trả lời câu hỏi để tìm hiểu về nhiệm vụ học tập

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS quan sát nhanh nội dung phần *Đọc* trong SGK và trả lời câu hỏi: Nhiệm vụ học tập chính của các em về đọc ở bài học này là gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 đến 3 HS trả lời, HS khác nhận xét câu trả lời của bạn.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét về câu trả lời của HS và kết luận | - VB 1 - *Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man*  *-* VB 2 - *Tình yêu và thù hận* để hình thành kĩ năng đọc VB kịch - bi kịch  - VB 3 - *Đọc kết nối chủ điểm* - *Cái roi tre* để tìm hiểu thêm về chủ điểm của bài học;  - VB 4 - *Đọc mở rộng theo thể loại* - *Cái bóng trên tường* để thực hành kĩ năng đọc kịch - bi kịch). |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức Ngữ văn**

***a.Mục tiêu:***

***-*** Bước đầu nhận biết được những đặc điểm của thể loại bi kịch: Khái niệm, cốt truyện, nhân vật, hành động, ngôn ngữ trong bi kịch.

- Bước đầu nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

***b. Nội dung:***Hs đọc sách giáo khoa để tìm hiểu về tri thức đọc hiểu

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Nhóm 1: Hs hoàn thành PHT số 1 để tìm hiểu về đặc điểm của bi kịch  - Nhóm 2: Hs hoàn thành PHT số 2 để tìm hiểu về vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1,2 nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung, nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* | **I. Tri thức Ngữ văn**  **1. Bi kịch:** PHT số 1  **2. Vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học**  PHT số 2 |
| **PHT số 1: BẢNG TÓM TẮT CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA BI KỊCH**   |  |  | | --- | --- | | **Khái niệm** | **Đặc điểm** | | Định nghĩa |  | | Nhân vật |  | | Xung đột |  | | Cốt truyện |  | | Hành động |  | | Lời thoại |  |   **Gợi ý PHT số 1**   |  |  | | --- | --- | | **Khái niệm** | **Đặc điểm** | | Định nghĩa | - Là một trong những tiểu loại của kịch (hài kịch, bi kịch)  - Tập trung khai thác những xung đột gay gắt giữa khát vọng cao đẹp của con người với tình thế bi đát của thực tại, dẫn tới sự thảm bại hay cái chết của nhân vật chính | | Nhân vật | - Hiện thân cho các thế lực đối lập  - Nhân vật chính thường có bản chất tốt đẹp, khát vọng vươn lên, thách thức số phận nhưng có những sai lầm dẫn đến phải trả giá đắt (ví dụ: bị chết) | | Xung đột | Thể hiện sự đấu tranh giữa các thế lực đối lập, các tính cách khác nhau, xung đột nội tâm của nhân vật,... Đó là sự đấu tranh giữa cái cao cả với cái thấp kém,... | | Cốt truyện | - Là chuỗi sự kiện, biến cố gắn với cuộc đời nhân vật chính  - Tác dụng: Tạo nên sự phát triển của xung đột và tính cách của nhân vật | | Hành động | Là các hoạt động của nhân vật được thể hiện qua lời thoại, lời chỉ dẫn sân khấu của tác giả thể hiện nội tâm của nhân vật và diễn biến các sự kiện; khi kịch bản được sân khấu hoá: Hành động của nhân vật còn được các diễn viên thể hiện qua ngữ điệu lời nói, cử chỉ, biểu cảm trên nét mặt | | Lời thoại | * Gồm: Lời đối thoại, độc thoại, bàng thoại   - Lời thoại trong bi kịch thường mang tính triết lí |   **PHT số 2**  Theo quan điểm tiếp nhận văn học hiện đại, các sản phẩm sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ chỉ tồn tại như ………………….…… dưới hình thức VB ngôn từ. Tác phẩm văn học chỉ thực sự tồn tại trong tâm thức của người đọc qua ………………...….. Bằng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống, vốn hiểu biết và trải nghiệm văn học, đặc biệt là khả năng tiếp nhận văn học theo thể loại, người đọc làm sống dậy thế giới hình tượng, "đồng sáng tạo" với tác giả để hiểu nội dung, ý nghĩa của tác phẩm văn học theo cách riêng của mình. Tiếp nhận văn học, vì vậy, là …………..…….. giữa người đọc và VB.  **Vai trò của người đọc**  **Bối cảnh tiếp nhận**  **………………**  **………………**  **………………**  Tác động đến………  **Gợi ý PHT số 2**  Theo quan điểm tiếp nhận văn học hiện đại, các sản phẩm sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ chỉ tồn tại như **những khả năng, những khơi gợi** dưới hình thức VB ngôn từ. Tác phẩm văn học chỉ thực sự tồn tại trong tâm thức của người đọc qua **quá trình tiếp nhận**. Bằng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống, vốn hiểu biết và trải nghiệm văn học, đặc biệt là khả năng tiếp nhận văn học theo thể loại, người đọc làm sống dậy thế giới hình tượng, "đồng sáng tạo” với tác giả để hiểu nội dung, ý nghĩa của tác phẩm văn học theo cách riêng của mình. Tiếp nhận văn học, vì vậy, là **một quá trình chủ động, tương tác tích cực** giữa người đọc và VB.  **Vai trò của người đọc**  **Bối cảnh tiếp nhận**  Văn hoá  Hoàn cảnh lịch sử  Xã hội  Tác động đến việc đọc hiểu tác phẩm văn học của người đọc  **.** | |

**2. Hoạt động đọc văn bản 1: *Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man***

**2.1. Chuẩn bị đọc**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB.

- Bước đầu dự đoán được nội dung của VB.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi ở mục Chuẩn bị đọc

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về câu hỏi *Chuẩn bị đọc*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Em biết truyện dân gian nào kể về cuộc đấu tranh giữa người với quỷ? Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS trao đổi, chuẩn bị câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 nhóm HS trình bày ý kiến, các nhóm khác góp ý, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* Dựa trên câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học: | Sự tích cây nêu ngày Tết là cuộc xung đột quyết liệt giữa quỷ và người. Cuối cùng người được Phật giúp đã thắng được quỷ, đuổi chúng ra tận biển Đông. Nhân vật quỷ trong truyện gần như là hình ảnh ẩn dụ chỉ con người nham hiểm, độc ác, giàu có, tham lam, quỷ quyệt, … cuối cùng đã bị trừng trị. |

**2.2. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS, phần ghi chép, chú thích của HS, câu trả lời cho các câu hỏi trong khi đọc.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  *-*HS đọc VB và tự đánh giá theo bảng kiểm kĩ năng đọc, tự ghi chép và trả lời câu hỏi trong SGK theo   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Có** | **Không** | | Đọc trôi chảy, không bỏ từ, thêm từ |  |  | | Ngắt giọng phù hợp, thể hiện đúng nhịp điệu câu văn |  |  | | Thể hiện được các trạng thái, cảm xúc của các nhân vật |  |  |   **PHT số 3**   |  |  | | --- | --- | | **Câu hỏi/ Kĩ năng đọc** | **Câu trả lời** | | Suy luận: Điều gì khiến cả Ha-nu-man và người thị nữ đều muốn tìm cách cứu nàng Si-ta? |  | | Suy luận: Câu nói của quý Riếp hé mở điều gì đáng lưu ý trong con người của vua Pơ-liêm và trong mỗi con người nói chung? |  | | Suy luận: Các câu thoại của quỷ Riếp, Ha-nu-man, Pơ-liêm trong đoạn này cho thấy cái ác – kẻ thù của con người tồn tại ở đâu? |  | | Suy luận: Những câu nói của Si-la trong đoạn này có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của văn bản? |  |   - Em hãy giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 4**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc VB, ghi chép ý chính, từ khoá, ý tưởng và tìm câu trả lời cho câu hỏi Theo dõi, Suy luận trong SGK.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một vài HS trình bày kết quả trả lời hai câu hỏi Theo dõi, Suy luận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt ý kiến của HS và bổ sung | **2.2.1. Đọc**  - Cách đọc: Khi đọc, HS cần chú ý ngữ điệu phù hợp với cảm xúc của nhân vật (tha thiết, giằng xé, khổ đau…).  - Thẻ chiến lược đọc:   |  |  | | --- | --- | | **Chiến lược đọc** | **Nội dung** | | Suy luận: Điều gì khiến cả Ha-nu-man và người thị nữ đều muốn tìm cách cứu nàng Si-ta? | Cả Ha-nu-man và người thị nữ đều muốn tìm cách cứu nàng Si-ta vì Ha-nu-man luôn ước mong được làm một con người nên đã cố gắng làm việc thiện. Ha-nu-man nhận ra Su-pa-kha là độc ác. Còn đối với thị nữ, bởi vì đều là phụ nữ, hiểu được cảnh con không thể thiếu mẹ, đồng thời cũng cảm nhận được tấm lòng lương thiện của Si-ta. | | Suy luận: Câu nói của quý Riếp hé mở điều gì đáng lưu ý trong con người của vua Pơ-liêm và trong mỗi con người nói chung? | Câu nói của quỷ Riếp hé mở trong mỗi con người chúng ta đều có một linh hồn ác quỷ, đều có một mặt xấu. | | Suy luận: Các câu thoại của quỷ Riếp, Ha-nu-man, Pơ-liêm trong đoạn này cho thấy cái ác – kẻ thù của con người tồn tại ở đâu? | Các câu thoại của quỷ Riếp, Ha-nu-man, Pơ-liêm trong đoạn này cho thấy cái ác kẻ thù của con người tồn tại ở ngay chính xung quanh ta, bất cứ đâu cũng có kẻ xấu. | | Suy luận: Những câu nói của Si-la trong đoạn này có tác dụng gì trong việc thể hiện chủ đề của văn bản? | Những câu nói của Si-ta trong đoạn này có tác dụng trong việc thể hiện chủ đề của văn bản: thể hiện sự ngờ vực của con người sẽ không bao giờ mang lại hạnh phúc. Như Pơ- liêm, dù có là người vợ chung chăn gối với mình bao năm, ông vẫn không hoàn toàn tin tưởng và khiến cho sự nghi ngờ chi phối mình. |   **2.2.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **2.2.2.1. Tác giả**  **a. Tác giả Lưu Quang Thuận**  - Lưu Quang Thuận (1921 - 1981) là nhà soạn kịch, nhà thơ Việt Nam.  - Ông có đóng góp cho sân khấu kịch Việt Nam (kịch thơ, kịch nói, chèo) qua hai thời kì: trước năm 1945 và sau năm 1945.  - Tác phẩm tiêu biểu: Lê Lai đổi áo (kịch thơ, 1943); Kiều Công Tiễn (kịch thơ, 1945); Mối tình Điện Biên (chèo, 1959); Cành đào ra trận (chèo, 1968); Nàng Si-ta (viết chung với con trai ông - Lưu Quang Vũ, 1978);...  **b. Tác giả Lưu Quang Vũ**  - Lưu Quang Vũ (1948 – 1988) là nhà soạn kịch, nhà thơ, nhà văn Việt Nam, con trai nhà soạn kịch Lưu Quang Thuận.  - Ông có nhiều tập thơ đặc sắc như: Hương cây - Bếp lửa (in chung với Bằng Việt, 1968), Gió và tình yêu thổi trên đất nước tôi (1989).  - Tác phẩm tiêu biểu: Nàng Si-ta (viết chung với Lưu Quang Thuận); Hẹn ngày trở lại (1984); Hồn Trương Ba, da hàng thịt (1984); Tôi và chúng ta (1985); Hoa cúc xanh trên đầm lầy; Lời nói dối cuối cùng (1985); Lời thề thứ chín (1986); Tin ở hoa hồng (1986); Bệnh sĩ (1988);...  **2.2.2.2. Tác phẩm**  - Xuất xứ:Văn bản Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man trích cảnh VII và cảnh VIII của kịch bản văn học Nàng Si-ta, in trong Nàng Si-ta, NXB Trẻ, 2018. |

**2.3. Suy ngẫm và phản hồi**

**2.3.1. Tìm hiểu cốt truyện, xung đột và hành động kịch**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết cốt truyện, xung đột và hành động kịch của bi kịch.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận PHT số 5 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành **PHT số 5**  ***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:* 4 - 5 HS/ nhóm thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Các nhóm trả lời câu hỏi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV bổ sung câu trả lời của HS | **2.3.1. Tìm hiểu cốt truyện, xung đột và hành động kịch** |
| - Tóm tắt cốt truyện:  + Sự kiện 1: Sau khi trở về kinh thành và trị vì vương quốc được một thời gian, vua Pơ-liêm đã tin theo lời đồn đại xấu xa của quỷ Riếp, cho rằng hoàng hậu Si-ta đã phản bội mình. Vì vậy, ông đã phế ngôi hoàng hậu và xa lánh bà.  + Sự kiện 2: Quỷ Riếp biến thành Su-pa-kha, lén lút vào cung, chiếm đoạt ngôi vị hoàng hậu, sai Ha-nu-man giết chết hoàng hậu Si-ta vì tội phản nghịch. Trong lúc nguy nan, một cung nữ đã hi sinh thân mình cứu sống bà. Sự việc được bí mật giữ kín.  + Sự kiện 3: Hoàng hậu Si-ta sống ẩn náu trong rừng, sinh hạ hoàng tử Si-la - con trai của vua Pơ-liêm. Tại kinh thành, vua Pơ-liêm sống trong niềm day dứt, buồn phiền và cô đơn, không ngừng nhớ thương hoàng hậu Si-ta.  + Sự kiện 4: Một ngày nọ, tại triều đình, Ha-nu-man đã vạch trần âm mưu của quỷ Riếp, giúp vua Pơ-liêm tỉnh ngộ và hối hận về sự ghen tuông. Sau đó, Ha-nu-man bày kế để vua gặp lại hoàng tử Si-la và hoàng hậu Si-ta. Tuy nhiên, lúc ấy, vua Pơ-liêm và hoàng hậu Si-ta đã thuộc về hai thế giới khác biệt.  - Xung đột bên ngoài: Xung đột giữa chính nghĩa (những người yêu quý, bảo vệ Si-ta như Ha-nu-man, thị nữ của Si-ta) với phi nghĩa (Quỷ Riếp - hoàng hậu Su-pa-kha - kẻ tiếm ngôi, sàm tấu, tìm mọi cách hãm hại Si-ta, lũng đoạn triều đình).  - Xung đột bên trong nhân vật:  + Pơ-liêm: Xung đột giữa tình yêu với sự ghen tuông, nghi ngờ, độc đoán.  + Ha-nu-man: Xung đột giữa sự khát khao làm người với sự giới hạn trong kiếp thú. | |

**2.3.2 Tìm hiểu nhân vật bi kịch, lời thoại**

***a. Mục tiêu:***

- Nêu được đặc điểm của nhân vật, lời thoại trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 2,3,4 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời và sơ đồ của HS cho các câu 2, 3, 4 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Gv chia lớp thành 6 nhóm**  *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - **Nhóm 1,2:** Điền vào PHT số 6 để trả lời cho câu 2  - **Nhóm 3,4:** Điền vào PHT số 7 để trả lời cho câu 3  - **Nhóm 5,6:** Điền vào PHT số 8 để trả lời cho câu 4  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Hai nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của các nhóm, ghi ý hay trong câu trả lời của HS lên bảng | **2.3.2 Tìm hiểu nhân vật bi kịch, lời thoại** |
| **PHT số 6**  **Tính cách của vua Pơ-liêm**  Chứa đựng nhiều mâu thuẫn..................................  ………………………………..................................  Nguyên nhân tạo nên cuộc chia li giữa  Pơ-liêm và Si-ta  ………………………………………………………………………………………………………………………..........................................................................  Mắc sai lầm nên phải sống trong cô đơn, hối tiếc  ……………………………………………………………….................................................................  Biết lắng nghe điều phải, biết sửa sai để xứng đáng làm cha và trở thành đấng minh quân  ………………………………...............................................................................................................  **PHT số 7**  **Tính cách của**  **Pơ-liêm**  …  **Tính cách**  **của Ha-nu-man**  …  …  **Hành động –**  **suy nghĩ**  …  …  **Tính cách của**  **quỷ Riếp**  **Hành động –**  **suy nghĩ**  **PHT số 8**   |  |  | | --- | --- | | **Lời thoại của Si-ta** | **Tính cách của Si-ta** | | *(1)..............................................................*  *..................................................................* | .........................................................  .........................................................  .........................................................  .........................................................  .........................................................  .........................................................  .........................................................  .........................................................  .........................................................  ......................................................... | | *(2)..............................................................*  *..................................................................* | | *(3)..............................................................*  *..................................................................* | | *(4)..............................................................*  *..................................................................* | | *(5)..............................................................*  *..................................................................* |   **Gợi ý PHT số 6**   |  |  | | --- | --- | | **Tính cách của vua Pơ-liêm** | | | ***\* Chứa đựng nhiều mâu thuẫn***  Vua Pơ-liêm thật sự yêu thương và quý trọng hoàng hậu Si-ta; tuy nhiên, do bị quỷ mê hoặc bằng lời đồn đại xấu xa, vua đã tin theo và nghi ngờ sự trung thành của người vợ tâm đầu ý hợp | ***Nguyên nhân tạo nên cuộc chia li giữa Pơ-liêm và Si-ta***  Nguyên nhân trực tiếp là do sự dèm pha, lừa lọc của quỷ Riếp - Sa-pu-kha; tuy nhiên, nguyên nhân sâu xa hơn là do sự mâu thuẫn bên trong chính bản thân vua Pơ-liêm - khi ngự trên đỉnh quyền lực, vua đã không biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực như ghen tuông, hoài nghi; do lơ là canh giữ tâm mình, vua đã để cho cái ác chi phối, tạo điều kiện cho quỷ Riếp xâm nhập và gây hại - đây chính là cuộc tranh chấp giữa thiện và ác, phần con người và phần “quỷ thú” bên trong | | ***\* Mắc sai lầm nên phải sống trong cô đơn, hối tiếc***  Vua Pơ-liêm luôn sống trong sự dằn vặt, đau khổ khi mất đi những người thân yêu, đáng tin cậy như nàng Si-ta và Ha-nu-man | | ***\* Biết lắng nghe điều phải, biết sửa sai để xứng đáng làm cha và trở thành đấng minh quân*** Vua Pơ-liêm đã trừng trị cái ác: Lấy cung bắn quỷ Riếp; vua Pơ-liêm đã trở lại với tình yêu, tình phụ tử, đấng trị vì vương quốc anh minh |   **Gợi ý PHT số 7**  **Tính cách của**  **Pơ-liêm**  Pơ-liêm là hiện thân cho tính nhiều mặt phức tạp của con người; để giữ gìn bản tính nhân hậu, trung thực, tốt đẹp của con người, sự sáng suốt, anh minh của một vị vua, Pơ-liêm phải đấu tranh loại bỏ phần đen tối, thấp kém trong con người mình như lòng ngờ vực, ghen tuông cùng những dục vọng đen tối do quỷ Riếp xui khiến  **Tính cách**  **của Ha-nu-man**  Hiện thân cho khao khát trở thành con  người nhân hậu, trung thực, yêu  lẽ phải  Trân trọng, cảm thương; chấp nhận nguy hiểm khi cứu Si-ta; ái ngại trước sai lầm của Pơ-liêm nhưng trung thành, tìm cách cho cha con Pơ-liêm đoàn tụ  **Hành động –**  **suy nghĩ**  Hiện thân cho dục vọng xấu xa, âm mưu,  thủ đoạn độc ác  Hoá thân thành Su-pa-kha hãm hại Si-ta, tiếm ngôi hoàng hậu, lũng đoạn triều đình; tìm cách lừa Pơ-liêm, gây nên sự ghen tuông mù quáng và mang lại những đau khổ cho chàng  **Tính cách của**  **quỷ Riếp**  **Hành động –**  **suy nghĩ**  **Gợi ý PHT số 8**   |  |  | | --- | --- | | **Lời thoại của Si-ta** | **Tính cách của Si-ta** | | (1) - *Ha-nu-man. Muộn rồi. Khi tình yêu không thắng nổi nghi ngờ thì mọi sự giải thoát cho giữa ta và chàng. Ha-nu-man, hãy giết ta đi...* | - Tỉnh táo và nhận ra tình thế khó cứu vãn của mình cũng như những nguyên nhân của tình thế ấy  - Phân biệt được cái thiện và cái ác, bình tĩnh trong những thời khắc khó khăn nhất  - Can đảm và sẵn sàng chấp nhận cái chết  - Nhân hậu, không muốn để những người tốt bụng như Ha-nu-man hay các thị nữ phải vì nàng mà gặp phiền phức | | (2) *- Ha-nu-man, lòng chú trung hậu quá! Nhưng chú làm sao hiểu hết được những điều ngang trái của con người.*  *Thôi vĩnh biệt rồi. Đừng than khóc nữa.*  *Ha-nu-man ơi, người giết ta đi để ta sống làm gì. Ôi tình sao mà oan nghiệt. Hỡi thần Lửa thiêng liêng, hãy nói vì sao ta phải chết. Hỡi ngọn lửa thiêng liêng, hãy nói vì sao ta phải chết. Hỡi ngọn gió thiêng liêng hãy đưa ta về nơi cát bụi, nơi đã sinh ra ta từ luống cày đất mẹ yêu thương.* | | *(3) - Ha-nu-man. Không cứu vãn nổi đâu, chàng đã bị quỷ Riếp ám ảnh. Nỗi hoài nghi đang vò xé trái tim chàng. Vả lại nàng Su-pa-kha, ta biết lắm, nếu người không giết ta thì người sẽ bị chết...* | | *(4) - Không... không được. Ta không muốn con ta khi sinh ra phải sống trên cõi đời đau thương này.* | | *(5) - Kìa em... Trời ơi... vì ta mà em phải chết...* |   . | |

**2.3.3. Tìm hiểu chủ đề của văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được chủ đề của VB.

***b. Nội dung:*** Hs thảo luận các câu hỏi 5 trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Ý kiến trao đổi của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Xác định chủ đề của văn bản.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Hai nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng hợp ý kiến của Hs | **2.3.3. Tìm hiểu chủ đề của văn bản**  Chủ đề: Cuộc đấu tranh với quỷ Riếp và sự thức tỉnh của vua Pơ-liêm |

**2.4. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bảm

- Nêu được những đặc trưng của thể loại được thể hiện qua VB.

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện: *nguyennham0981713891 259***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Em hãy khái quát nội dung, nghệ thuật của văn bản  *-* HS thực hiện **PHT số** 9 để khái quát đặc trưng thể loại  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS rà soát lại phần trả lời từ câu 1 đến câu 4, sau đó hoàn thiện  PHT số 2.  \* *Báo cáo, thảo luận:* Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định:* GV nhận xét kết quả làm việc của các nhóm và kết luận | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung, nghệ thuật**  **a. Nội dung:** VB Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man trích trong vở kịch Nàng Si-ta là câu chuyện xoay quanh ý niệm bản chất con người, mang tư tưởng nhân văn hướng thiện, hận thù nếu trả bằng hận thù thì nỗi đau sẽ mãi mãi chồng chất.  **b. Nghệ thuật**  - Xây dựng nhân vật giả tưởng, gắn liền với một tình huống kịch mang tính giả định tạo nên một thế giới nghệ thuật hư hư, thực thực để truyền tải những quan niệm đạo đức, những lẽ sống của nhà văn (nhân vật Pơ-liêm, Ha-nu-man…).  - Khai thác đề tài dân gian, trên nền của những tích, truyện dân gian, Lưu Quang Vũ đã tạo nên cốt truyện kịch hiện đại, mềm dẻo, linh hoạt hơn, kịch tính hơn.  - Ngôn ngữ kịch giàu chất thơ nhưng cũng mang chiều sâu triết lý, đôi khi pha chất chính luận. |
| **PHT số 9**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của bi kịch** | **Thể hiện qua VB *Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man*** | | Cốt truyện |  | | Nhân vật |  | | Xung đột |  | | Lời thoại |  |   **PHT SỐ 9**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm của bi kịch** | **Thể hiện qua VB *Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man*** | | Cốt truyện | Tổn thất, đau thương gắn với nỗi bất hạnh của Si-ta, mất mát của Pơ-liêm | | Nhân vật | Pơ-liêm vốn là hoàng tử với bản chất tốt đẹp nhưng có những nhược điểm, sai lầm dẫn đến phải trả giá đắt và mất đi những gì mình trân trọng (Si-ta, Ha-nu-man là hiện thân cho những phẩm chất tốt đẹp) | | Xung đột | Xung đột giữa cái cao cả (hướng thiện) với cái thấp kém (sự ghen tuông, ngờ vực, cái ác) | | Lời thoại | Nhiều lời thoại của Ha-nu-man, Si-ta,... thể hiện tính chất trang trọng, triết lí, thể hiện quan điểm, ý chí và hành động tranh đấu của nhân vật bi kịch | | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Cùng khỉ hái quả”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Cùng khỉ hái quả”  **Câu 1:** Nhân vật bi kịch trong văn bản là ai?  A. Pơ-liêm  B. Ha-nu-man  **C. Si-ta**  D. Riếp  **Câu 2:** Ha-nu-man đã làm gì thay vì giết Si-ta?  A. Trốn đi  B. Cầu xin tha mạng  **C. Dùng trái tim của một thị nữ thay thế**  D. Báo cáo sự việc cho Pơ-liêm  **Câu 3:** Mâu thuẫn, xung đột chính trong văn bản là gì?  A. Xung đột giữa cá nhân và xã hội.  **B. Mâu thuẫn giữa khao khát tự do và ràng buộc xã hội**  C. Xung đột giữa lý tưởng và hiện thực.  D. Xung đột giữa sự cao cả và cái thấp kém.  **Câu 4:** Nhận định nào không đúng khi nói về tính cách của nhân vật Pơ-liêm?  A. Mắc sai lầm, nên luôn phải sống trong sự cô đơn, hối tiếc, dằn vặt, tự trách  B. Biết lắng nghe điều phải, biết sửa sai để xứng đang làm cha, làm vua  **C. Luôn thể hiện sự kiên định và không bao giờ thay đổi quan điểm.**  D. Tính cách chứa đựng nhiều mâu thuẫn  **Câu 5:** Nguyên nhân trực tiếp gây ra nỗi bất hạnh của Si-ta là gì?  A. Sự mâu thuẫn bên trong con người Pơ-liêm khi đứng ở vị trí tối cao của quyền lực.  **B. Sự dèm pha, lũng đoạn của quỷ Riếp (Sa-ku-pha)**  C. Tình trạng xã hội và sự phân biệt đối xử.  D. Sự mất mát và ly biệt trong gia đình.  **Câu 6:** Nguyên nhân sâu xa gây ra nỗi bất hạnh của Si-ta là gì?  **A. Sự mâu thuẫn bên trong con người Pơ-liêm khi đứng ở vị trí tối cao của quyền lực.**  B. Sự dèm pha, lũng đoạn của quỷ Riếp (Sa-ku-pha)  C. Quyền lực và sự thao túng của các thế lực đen tối trong xã hội.  D. Tính cách và quyết định sai lầm của các nhân vật quyền lực.  **Câu 7:** Ai là người trung gian kết nối Pơ-liêm và Si-ta ở hai không gian khác nhau?  A. Si-la  B. Su-pa-kha  **C. Ha-nu-man**  D. Hoạn quan  **Câu 8:** Đâu không phải là dấu hiệu để xác định thể loại bi kịch?  A. Mâu thuẫn gay gắt, không thể giải quyết.  B. Nhân vật phải chịu đựng nhiều đau khổ, bất hạnh.  C. Kết thúc bi thảm, gây xúc động cho người đọc.  **D. Cốt truyện có nhiều yếu tố hài hước và giải trí.**  **Câu 9:** Câu nói của Quỷ Riếp hé mở điều gì đáng lưu ý trong con người của vua Pơ-liêm và trong mỗi con người nói chung?   - Riếp đây. Pơ-liêm, đã hơn mười năm rồi, ta luôn có mặt ở trong ngươi. Trong từng bữa ăn và giấc ngủ của người. Trong máu ngươi, trong sự hoài nghi và gịận dữ cuả ngươi.  **A. Trong mỗi con người đều có một mặt xấu, một linh hồn của ác quỷ.**  B. Mỗi người đều có thể trở thành một vị vua quyền lực.  C. Mỗi con người đều có khả năng hoàn thiện bản thân và vượt qua khó khăn.  D. Con người có thể giữ được sự trong sáng và thiện lương mãi mãi.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs thực hiện yêu cầu ở câu hỏi số 8, SGK

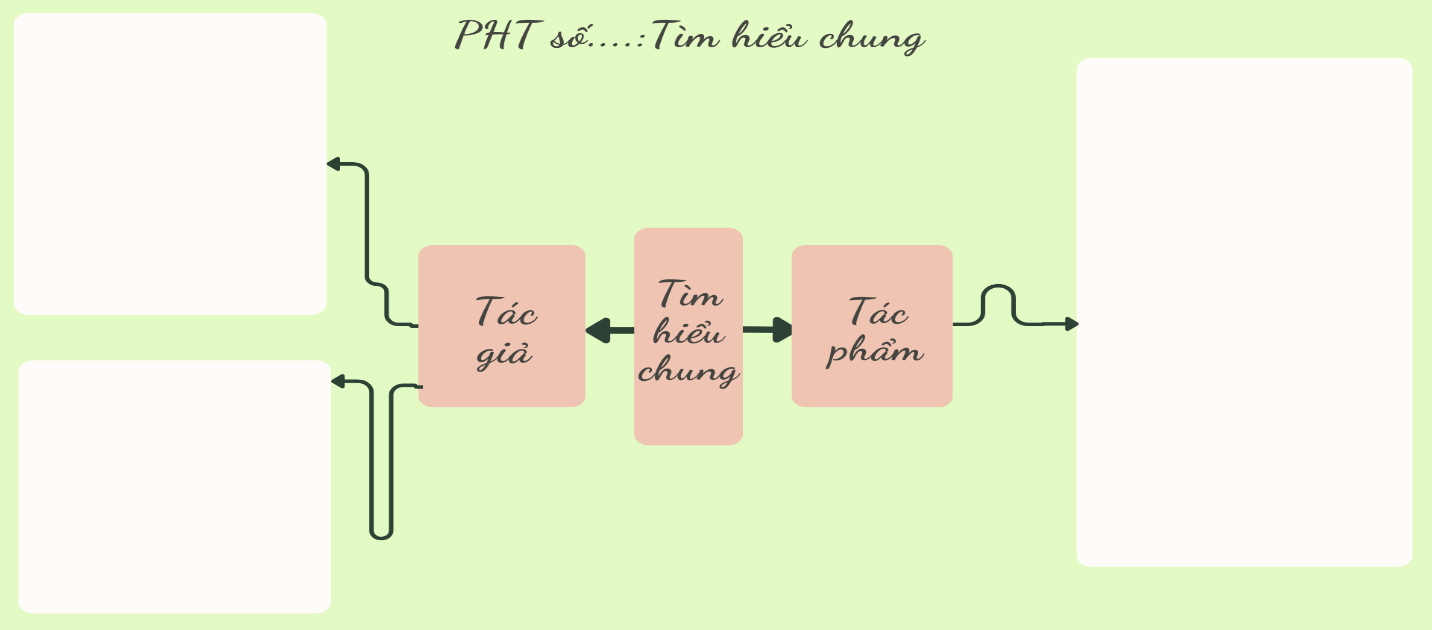
***c. Sản phẩm:*** Sản phẩm của Hs

***d. Tổ chức thực hiện: nguyennham0981713891 259***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Có ý kiến cho rằng: Nàng Si-ta được Lưu Quang Thuận - Lưu Quang Vũ viết phỏng theo nhân vật, cốt truyện dân gian. Đó là câu chuyện thuộc về một thời đã xa. Tuy vậy, tác phẩm vẫn có khả năng gây xúc động cho người đọc, người xem thời nay. Em có đồng ý với nhận định trên không? Vì sao?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* GV mời một số HS đại diện cho hai nhóm tranh luận với nhau.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của HS dựa trên các yêu cầu đã nêu. | Tác phẩm thuộc về một thời đã xa. Tuy vậy, tác phẩm vẫn có khả năng gây xúc động cho người đọc người xem thời nay bởi những vấn đề gợi ra từ tác phẩm vẫn hiện hữu trong đời sống hiện nay  - Cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác  - Khát vọng làm người chân chính  - Sự bất hạnh của người phụ nữ  - Sự tan vỡ, mất mát trong tình yêu, hạnh phúc gia đình do hiểu lầm, nghi kị  -... |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 3**

****

**Bài 9**

**NHỮNG BÀI HỌC TỪ TRẢI NGHIỆM ĐAU THƯƠNG**

**(Kịch - Bi kịch - 13 tiết)**

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết;  
Ôn tập: 1 tiết)

**Tiết theo PPCT: 116,117**

**DẠY ĐỌC**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC KỊCH - BI KỊCH**

**TÌNH YÊU VÀ THÙ HẬN**

**(Uy-li-am Sếch-xpia)**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS (học sinh) có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: Xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Biết gìn giữ niềm tin và tình bạn trong sáng; nhận thức được hoàn cảnh sống của bản thân, gia đình, biết hành xử phù hợp.

**II. KIẾN THỨC**

- Đặc điểm cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ của kịch - bi kịch.

- Cách đọc kịch - bi kịch.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học.

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có).

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT.

- Sơ đồ, bảng biểu.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

- Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến chủ đề VB, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB.

- Bước đầu dự đoán được nội dung của VB.

- Tạo tâm thế trước khi đọc VB.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi phần chuẩn bị đọc

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*:  - Cách 1: Tình yêu là đề tài phổ biến trong văn học, nghệ thuật. Hãy chia sẻ suy nghĩ của em về một tác phẩm viết về đề tài này  - Cách 2: Em hãy đọc một số câu thơ, ca dao hoặc danh ngôn về tình yêu  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, sau đó dẫn dắt vào bài: Tình yêu là đề tài muôn thuở trong thi ca từ Đông – Tây, kim – cổ. Trong bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét trong đoạn trích **Tình yêu và thù hận trích** từ vở bi kịch nổi tiếng của nhà soạn kịch Uy-li-am Sếch-xpia nhé. | - Cách 1:  + Bài thơ Sóng – Xuân Quỳnh.  + Bài thơ là lời tự bạch của một tâm hồn phụ nữ đang yêu thiết tha, nồng nàn, chung thủy, muốn vượt lên thử thách của thời gian và sự hữu hạn của đời người trên cơ sở khám phá sự tương đồng, hòa hợp giữa hình tượng “sóng” và “em”.  - Cách 2:  *Đêm nằm lưng chẳng tới giường*  *Mong trời mau sáng ra đường gặp anh*  (Ca dao)  *Thương nhau mấy núi cũng trèo*  *Mấy sông cũng lội, mấy đèo cũng qua.*  (Ca dao)  *Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh. Anh nhớ em, anh nhớ lắm! em ơi!*  (Xuân Diệu)  *Làm sao sống được mà không yêu*  *Không nhớ không thương một kẻ nào.*  (Xuân Diệu) |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:***

-Vận dụng kĩ năng đọc đã học ở lớp trước như *Theo dõi, Đọc quét* trong quá trình đọc trực tiếp VB.

-Chia sẻ được kết quả thực hiện ở nhà của nội dung *Trải nghiệm cùng VB.*

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc; giới thiệu về tác giả, tác phẩm

***c. Sản phẩm***: Câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần *Trải nghiệm cùng VB*.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Hs đọc phù hợp với tốc độ đọc và ghi lại câu trả lời cho các câu hỏi, kĩ năng đọc trong SGK.  - Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 1**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện lần lượt hai nhiệm vụ học tập  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ sản phẩm đã thực hiện ở nhà với các thành viên trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tóm tắt, bổ sung ý kiến cho HS | **1.1. Đọc**  - Cách đọc: Khi đọc, HS cần chú ý ngữ điệu phù hợp với cảm xúc của nhân vật (tha thiết, giằng xé, khổ đau…).  - Thẻ chiến lược đọc:   |  |  | | --- | --- | | **Chiến lược đọc** | **Nội dung** | | Tưởng tượng: Qua các chỉ dẫn sân khấu và lời thoại của nhân vật, em hình dung cuộc gặp gỡ giữa Rô-mê-ô và Giu-li-ét diễn ra trong không gian, thời gian như thế nào? | - Thời gian: Ban đêm.  - Không gian: Vắng vẻ. | | Suy luận: Vì sao cả Rô-mê-ô và Giu-li-ét đều ái ngại về cái tên gắn với dòng họ của mình, thậm chí muốn khước từ nó? | Vì hai dòng họ của hai nhân vật có mối thù ghét nhau, chính họ đó sẽ khiến cả hai không thể đến được với nhau. | | Suy luận: Trong các lời thoại của Rô-mê-ô và Giu-li-ét ở phần này, “họ” là ai? | “Họ” là dòng họ, gia tộc hai bên. |   **1.2. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  **a. Tác giả**  - Uy-li-am Sếch-xpia (1564 - 1616) là nhà viết kịch kiệt xuất ở Anh thời đại Phục hưng.  - Sáng tác của ông thấm đẫm tình yêu và lòng tin đối với con người. Đặc điểm nổi bật trong sáng tác của ông là nội dung đa dạng, tư tưởng lớn lao, hình tượng sắc nét, ngôn ngữ điêu luyện.  - Ông được coi là “nhà pháp sư” của ngôn ngữ Anh. Sếch-xpia đã sáng tác gần 40 vở kịch thuộc nhiều thể loại, nổi bật nhất là bi kịch.  - Các vở bi kịch nổi tiếng của ông được cả thế giới biết đến: Rô-mê-ô và Giu-li-ét, Hăm-lét (Hamlet), Mắc-bét (Macbeth), Vua Lia (Lear), Ô-ten-lô (Othello),...  **b. Tác phẩm**  - Rô-mê-ô và Giu-li-ét được sáng tác vào khoảng năm 1594-1595, là vở kịch năm hồi viết bằng thơ xen lẫn văn xuôi, dựa trên một câu chuyện có thật từng xảy ra ở I-ta-li-a thời trung cổ.  - Vở kịch được coi là bản tình ca say đắm nhất, ca ngợi tình yêu trong sáng, chân thành, thuỷ chung, dám vượt lên hận thù để giành lấy quyền tự do và hưởng hạnh phúc.  - Đoạn trích Tình yêu và thù hận thuộc Cảnh 2 – Hồi II của vở kịch này. |

**2.** **Suy ngẫm và phản hồi**

**2.1.** **Xác định đề tài và nội dung chính của văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được đề tài và nội dung chính của VB.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 1 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho câu 1 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS thảo luận nhóm đôi Think – Pair – Share, trả lời câu hỏi: Xác định đề tài, nêu nội dung bao quát của VB.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm 4-6 HS thảo luận  *\* Báo cáo, thảo luận:* Hai nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* | **2.1.** **Xác định đề tài và nội dung chính của văn bản**  - Đề tài: Tình yêu và thù hận.  - Nội dung bao quát: Câu chuyện tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét, hai nhân vật thuộc hai dòng họ vốn mâu thuẫn với nhau, bị sự ngăn cấm của dòng họ. |

**2.2. Tìm hiểu lời thoại, xung đột trong tác phẩm bi kịch**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được lời độc thoại, đối thoại của nhân vật trong tác phẩm kịch.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi số 2, 3,4,5, 6, 7 trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho các câu 2, 3,4,5, 6, 7 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện: nguyennham0981713891 259***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* **Gv chia lớp thành 6 nhóm**  - **Nhóm 1:** Hoàn thành PHT số 2 để tìm hiểu về lời thoại  **- Nhóm 2:** Phân tích một lời độc thoại của Rô-mê-ô và Giu-li-ét mà theo em là đặc sắc, thú vị.  **- Nhóm 3:** Hoàn thành **PHT số 3** để tìm hiểu cách thể hiện tình yêu và cách đấu tranh thể hiện tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét  **- Nhóm 4:** Hoàn thành **PHT số 4** tìm hiểu sự phù hợp giữa ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của nhân vật với nội dung câu chuyện  **- Nhóm 5:** Hoàn thành **PHT số 5** để tìm hiểu một số từ ngữ có tính biểu tượng và vai trò của các từ ngữ đó trong việc thể hiện xung đột kịch  **- Nhóm 6:** Hoàn thành **PHT số 6** để tìm hiểu về xung đột kịch  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ  *\* Báo cáo, thảo luận:* 4 - 6 HS trình bày sản phẩm. Các HS khác góp ý, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*GV tóm tắt câu trả lời của các nhóm, bổ sung. | **2.2. Tìm hiểu lời thoại, xung đột trong tác phẩm bi kịch**  **a. Tìm hiểu về lời thoại:** PHT số 2  **b. Phân tích lời độc thoại độc đáo của Rô-mê-ô hoặc Giu-li-ét**  - Lời độc thoại của Rô-mê-ô: *"Đấy là phương đông... để được mơn trớn gò má ấy!"*  - Lời độc thoại của Giu-li-ét: *"Nếu chẳng phải là người họ Môn-ta-ghiu ... thì mười phân chàng vẫn cứ vẹn mười..."*.  - Điểm đặc sắc trong lời thoại: Lời thoại giàu hình ảnh gợi tả, gợi cảm hoặc giàu chất thơ, thể hiện tâm hồn tươi trẻ, hồn nhiên, sôi nổi của hai nhân vật  **c. Tìm hiểu cách thể hiện tình yêu và cách đấu tranh thể hiện tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét:** PHT số 3  **d. Tìm hiểu sự phù hợp giữa ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của nhân vật với nội dung câu chuyện:** PHT số 4  **e. Tìm hiểu một số từ ngữ có tính biểu tượng và vai trò của các từ ngữ đó trong việc thể hiện xung đột kịch:** PHT số 5  **g. Tìm hiểu về xung đột kịch:** PHT số 6 |
| **PHT số 2: Tìm hiểu về lời thoại**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Lời đối thoại** | **Lời độc thoại** | **Tác dụng của việc sử dụng các lời thoại trong việc thể hiện hành động, tâm lí của nhân vật** | | Giu-li-ét |  |  |  | | Rô-mê-ô |  |  |  |   **Gợi ý PHT số 2**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Lời đối thoại** | **Lời độc thoại** | **Tác dụng của việc sử dụng các lời thoại trong việc thể hiện hành động, tâm lí của nhân vật** | | Giu-li-ét | *Anh làm thế nào tới được chốn này, anh ơi, mà tới làm gì thế? Tường vườn này cao, rất khó trèo qua; và nơi tử địa, anh biết mình là ai rồi đấy, nếu anh bị họ hàng nhà em bắt gặp nơi đây.* | *Ôi, Rô-mê-ô, chàng Rô-mê-ô! Sao chàng lại là Rô-mê-ô nhỉ? Chàng hãy khước từ cha chàng và từ chối dòng họ của chàng đi; hoặc nếu không thì chàng hãy thề là yêu em đi, và em sẽ không còn là con cháu của nhà Ca-piu-lét nữa.* | - Lời đối thoại giúp hai nhân vật giao tiếp, giãi bày tình cảm và thái độ của họ với đối phương; thông qua đó, thể hiện tình yêu, ý chí vượt qua mọi rào cản của họ.  - Lời độc thoại: Những lời nói của nhân vật với chính bản thân, bộc lộ nỗi niềm, cảm xúc bên trong. Ví dụ như khi Rô-mê-ô lén vào vườn để ngắm Giu-li-ét hoặc khi Giu-li-ét tự hỏi về dòng họ của Rô-mê-ô, họ đã sử dụng độc thoại để thể hiện cảm xúc riêng của mình.  - Sự kết hợp linh hoạt giữa lời đối thoại và lời độc thoại không chỉ giúp thể hiện đầy đủ tính cách, nội tâm của các nhân vật, mà còn góp phần thúc đẩy diễn biến của xung đột kịch. | | Rô-mê-ô | *Tôi vượt được tường này là nhờ đôi cánh nhẹ nhàng của tình yêu; mấy bức tường đá ngăn sao được tình yêu; mà cái gì tình yêu có thể làm là tình yêu dám làm; vậy người nhà em ngăn sao nổi tôi.* | *Nàng lên tiếng! Hỡi nàng tiên lộng lẫy, hãy nói nữa đi! Bởi đêm nay, nàng toả ánh hào quang, trên đầu ta, như một sứ giả nhà trời có cánh, đang cưỡi những áng mây lững lờ lướt nhẹ trong không trung, khiến những kẻ trần tục phải cố ngước đôi mắt trắng dã lên mà chiêm ngưỡng.* |   **PHT số 3**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Lời thoại về người yêu,**  **tình yêu** | **Lời thoại về thế lực ngăn cản tình yêu** | **Thái độ, hành động được**  **thể hiện** | | Rô-mê-ô |  |  |  | | Giu-li-ét |  |  |  | | Nhận xét về điểm tương đồng và khác biệt trong cáchthể hiện tình yêu và cách đấu tranh thể hiện tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét:............................................  .................................................................................................................................  ................................................................................................................................. | | | |   **Gợi ý PHT số 3**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Lời thoại về người yêu,**  **tình yêu** | **Lời thoại về thế lực ngăn cản tình yêu** | **Thái độ, hành động được**  **thể hiện** | | Rô-mê-ô | *Có phải nàng nói với ta đâu, chẳng qua hai ngôi sao đẹp nhất bầu trời có việc phải đi vắng, đã thiết tha nhờ mắt nàng lấp lánh, chờ đến lúc sao về.* | *- Hỡi nàng tiên kiều diễm, chẳng phải Rô-mê-ô cũng chẳng phải Môn-ta-ghiu, nếu em không ưa tên họ đó...*  *- Tôi vượt được tường này là nhờ đôi cánh nhẹ nhàng của tình yêu; mấy bức tường đá ngăn sao được tình yêu,...*  *- Ánh mắt của em còn nguy hiểm cho tôi hơn hai chục lưỡi kiếm của họ; em hãy nhìn tôi âu yếm là tôi chẳng ngại gì lòng hận thù của họ nữa đâu.* | - Khẳng định sức mạnh của tình yêu; sẵn sàng đối mặt, bất chấp thế lực ngăn cản tình yêu  - Sẵn sàng vượt qua trở ngại để được gặp người yêu | | Giu-li-ét | *Vậy nếu chàng Rô-mê-ô chẳng mang tên Rô-mê- ô nữa, thì mười phân chàng vân cứ vẹn mười...* | *- Ôi, Rô-mê-ô, chàng Rô-mê-ô! Sao chàng lại là Rô-mê-ô nhỉ? Chàng hãy khước từ cha chàng và từ chối dòng họ của chàng đi; hoặc nếu không thì chàng hãy thề là yêu em đi, và em sẽ không còn là con cháu của nhà Ca-piu-lét nữa.*  *- Tường vườn này cao, rất khó trèo qua; và nơi tử địa, anh biết mình là ai rồi đấy, nếu anh bị họ hàng nhà em bắt gặp nơi đây.*  *- Họ mà bắt gặp anh, họ sẽ giết chết anh.* | - Sẵn sàng từ bỏ tên của dòng họ để đón nhận tình yêu  - Tỏ rõ sự lo lắng, cảnh giác | | Trong cách thể hiện tình yêu và cách đấu tranh khẳng định tình yêu giữa Rô-mê-ô, Giu-li-ét có:  - *Điểm tương đồng:* Cả hai nhân vật đều hồn nhiên, có tình yêu mãnh liệt, say đắm, sẵn sàng vượt qua mọi rào cản, thậm chí thay đổi cả danh tính của mình để bảo vệ và khẳng định tình yêu.  - *Điểm khác biệt:*  + Rô-mê-ô thể hiện tình yêu một cách mãnh liệt, táo bạo và đầy nhiệt huyết.  + Giu-li-ét thể hiện sự trầm tĩnh, có những băn khoăn, dự cảm về những khó khăn, thử thách đang chờ đợi họ. | | | |   **PHT số 4**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Ngôn ngữ độc thoại, đối thoại** | **Sự phù hợp với nội dung câu chuyện** | | Rô-mê-ô |  |  | |  |  | | Giu-li-ét |  |  | |  |  |   **Gợi ý PHT số 4**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật** | **Ngôn ngữ độc thoại, đối thoại** | **Sự phù hợp với nội dung câu chuyện** | | Rô-mê-ô | Lời độc thoại: *Ây, khe khẽ chứ! Ánh sáng nào vừa loé trên cửa sổ kia? Đấy là phương đông, và nàng Giu-li-ét là Mặt Trời! - Vừng dương đẹp tươi ơi, hãy hiện lên đi, và giết chết ả Hằng Nga đố kị, héo hon và nhợt nhạt vì đau khổ khi thấy cô hầu của ả lại đẹp hơn ả rất nhiều.* | Ngôn từ mượt mà, cách nói ví von, so sánh thể hiện tâm trạng vui sướng, rạo rực của người đang yêu | | Lời đối thoại: *Tôi không biết xưng danh cùng em thế nào. Nàng tiên yêu quý của tôi ơi, tôi thù ghét cái tên tôi, vì nó là kẻ thù của em. Nếu chính tay tôi đã viết tên đó, thì tôi xé nát nó ra... Hỡi nàng tiên kiều diễm, chẳng phải Rô-mê-ô cũng chẳng phải Môn-ta-ghiu, nếu em không ưa tên họ đó.* | Rô-mê-ô dứt khoát khẳng định tình yêu với Giu-li-ét, thể hiện sự sẵn sàng từ bỏ dòng họ và tên tuổi của mình | | Giu-li-ét | Lời độc thoại: *Chỉ có tên họ chàng là thù địch của em thôi. Nếu chẳng phải là người họ Môn-ta-ghiu thì chàng vẫn cứ là chàng. Môn-ta-ghiu là cái gì nhỉ? Đó đâu phải là bàn tay, hay bàn chân, hay cánh tay, hay mặt mũi, hay một bộ phận nào đấy của cơ thể con người. Chàng ơi! Hãy mang tên họ nào khác đi! Cái tên nó có nghĩa gì đâu?* | Giu-li-ét yêu say đắm Rô-mê-ô, việc thổ lộ tình yêu qua sự chất vấn rồi tự trả lời thể hiện sự hồn nhiên, trong sáng của nàng | | Lời đối thoại:  *- Anh làm thế nào tới được chốn này, anh ơi, mà tới làm gì thế? Tường vườn này cao, rất khó trèo qua; và nơi tử địa, anh biết mình là ai rồi đấy, nếu anh bị họ hàng nhà em bắt gặp nơi đây.*  *- Họ mà bắt gặp anh, họ sẽ giết chết anh.* | Sự ngạc nhiên, vui sướng của Giu-li-ét khi gặp Rô-mê-ô; đồng thời thể hiện nỗi lo cho sự an nguy của người yêu, sự cảnh báo về thế lực ngăn cản tình yêu của họ |   **PHT số 5**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Từ ngữ** | **Ý nghĩa** | **Tác dụng của các từ ngữ trong việc thể hiện xung đột kịch** | **Nhận xét** | |  |  |  |  | |  |  |  |  |   **Gợi ý** **PHT số 5**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Từ ngữ** | **Ý nghĩa** | **Tác dụng của các từ ngữ trong việc thể hiện xung đột kịch** | **Nhận xét** | | "Bức tường" | Vừa là vật thể thực, vừa mang nghĩa biểu tượng về vùng cấm, đường biên ngăn cách giữa hai dòng họ và giữa Rô-mê-ô với Giu-li-ét. | Thể hiện hai nhân vật nhận thức rõ xung đột và những lời nguyền lâu đời, không thể hoá giải giữa hai dòng họ. Điều này dự báo những thách thức mà họ phải đối mặt, những trắc trở, chông gai mà họ phải vượt qua. | những từ ngữ, biểu tượng này đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên bối cảnh xung đột và xác định những thử thách mà Rô-mê-ô và Giu-li-ét phải đối mặt. Chúng góp phần tạo nên sự hấp dẫn, bi kịch và độc đáo cho vở kịch. | | "Lưỡi kiếm" | Vừa là vật thể thực, vừa mang nghĩa biểu trưng cho hình phạt, sự trả giá đau thương nếu vi phạm đường biên, vùng cấm. |   **PHT số 6**   |  |  | | --- | --- | | **Xung đột kịch** |  | | **Kiểu xung đột** |  | | **Cách thể hiện xung đột** |  |   **Gợi ý PHT số 6**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Xung đột** | xung đột giữa tình yêu trong sáng, hồn nhiên của đôi trẻ với lòng thù hận lâu đời giữa hai dòng họ. |  |  | | **Kiểu xung đột** | xung đột giữa cái cao cả (tình yêu) với cái thấp kém (hận thù dòng họ). |  |  | | **Cách thể hiện xung đột** | Văn bản tập trung vào những biểu hiện cụ thể của xung đột giữa những cảm xúc yêu thương mãnh liệt với với niềm dự cảm, lo ngại tình yêu có thể bị cấm đoán, cản trở một cách ngang trái. |  |  | | |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản

- Rút ra được cách đọc VB thơ song thất lục bát

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản.  - Em hãy rút ra một số lưu ý khi đọc thơ song thất lục bát  \* *Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và trưng bày sản phẩm tại góc học tập của lớp.  \* *Kết luận, nhận định:* | **III. Tổng kết**  - Đoạn trích thể hiện tình yêu say đắm, mãnh liệt của Rô-mê-ô và Giu-li-ét trong hoàn cảnh hai dòng họ có mối thâm thù. Tình yêu của họ dù kết thúc bi thảm nhưng đã hoá giải được hận thù. Vở kịch hướng người đọc (người xem) đến những giá trị nhân văn cao cả.  - Đoạn trích cho thấy đặc điểm lời thoại của bi kịch, đó là tính chất mĩ lệ, trau chuốt. Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Khu vườn tình yêu”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Khu vườn tình yêu”  **Câu 1:** Nhân vật Romeo khi xuất hiện trong đoạn trích "Tình yêu và thù hận" đã gọi nàng Juliet là gì?  **A. Mặt trời**  B. Mặt trăng  C. Bông hồng nhỏ  D. Em yêu của anh  **Câu 2:** "Tình yêu và thù hận" thuộc thể loại kịch nào?  A. Kịch câm  **B. Bi kịch**  C. Kịch lịch sử  D. Hài kịch  **Câu 3:** Câu nói "Vậy nếu chàng Rô-mê-ô chẳng mang tên Rô-mê-ô nữa, thì mười phân chàng vẫn cứ vẹn mười" thể hiện điều gì?  A. Juliet muốn Romeo thay đổi hoàn toàn  **B. Juliet yêu Romeo vì bản chất, không phải vì tên họ**  C. Juliet không thích tên Romeo  D. Juliet muốn Romeo hoàn hảo hơn  **Câu 4:** Tại sao Romeo và Juliet phải gặp nhau bí mật?  A. Vì họ thích sự lãng mạn  **B. Vì gia đình họ là kẻ thù của nhau**  C. Vì cha mẹ cấm họ yêu nhau  D. Vì họ muốn giữ bí mật chuyện tình cảm  **Câu 5:** Thái độ của Romeo và Juliet đối với mối thù giữa hai gia đình là gì?  A. Họ coi trọng mối thù hơn tình yêu  B. Họ muốn chấm dứt mối thù  **C. Họ sẵn sàng đặt tình yêu lên trên mối thù**  D. Họ không quan tâm đến mối thù  **Câu 6:** Câu nói "mấy bức tường đá ngăn sao được tình yêu" ngụ ý điều gì?  **A. Tình yêu có thể vượt qua mọi rào cản**  B. Romeo rất giỏi leo tường  C. Bức tường không đủ cao  D. Tình yêu chỉ tồn tại trong tưởng tượng  **Câu 7:** Giá trị nghệ thuật của đoạn trích Tình yêu và thù hận:  A. Mâu thuẫn kịch tập trung đến cao trào, phát triển thành đỉnh điểm với những hành động kịch dồn dập đầy kịch tính  **B. Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm trạng nhân vật qua ngôn ngữ đối thoại**  C. Ngôn ngữ kịch điêu luyện, có tính tổng hợp cao  D. Tất cả các đáp án trên  **Câu 8:** Mâu thuẫn chính trong đoạn trích Tình yêu và thù hận:  A. Mâu thuẫn giữa các thế hệ khác nhau ở hai dòng họ Môn-ta-ghiu và Ca-piu-lét  B. Mâu thuẫn giữa các thế hệ khác nhau ở dòng hộ Môn-ta-ghiu  **C. Mâu thuẫn giữa tình yêu của đôi trai gái với mối thù truyền kiếp của hai dòng họ Môn-ta-ghiu và Ca-pu-lét.**  D. Mâu thuẫn giữa tình yêu của đôi trai gái với các định kiến xã hội  **Câu 9:** Bi kịch là gì?  A. Kịch dùng hình thức gây cười để đả kích, phê phán thói xấu, hiện tượng tiêu cực trong xã hội.  **B. Là một thể loại của kịch, thể hiện xung đột không thể giải quyết giữa khát vọng cao đẹp của con người với khả năng, tình thế thực hiện.**  C. Kết hợp yếu tố hài và bi để tạo nên một vở kịch đặc sắc.  D. Chứa đựng yếu tố bi, thể hiện xung đột về quan điểm sống của các nhân vật.  **Câu 10:** Xung đột của bi kịch nảy sinh do đâu?  A. Do mâu thuẫn giữa cái mới và cái cũ.  B. Do mâu thuẫn giữa các quan điểm sống khác nhau.  C. Do mẫu thuẫn trong việc tiếp nhận tác phẩm của độc giả.  **D. Do mâu thuẫn giữa cái thiện với cái ác, cái cao cả với cái thấp hèn,…**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do VB văn học mang lại

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

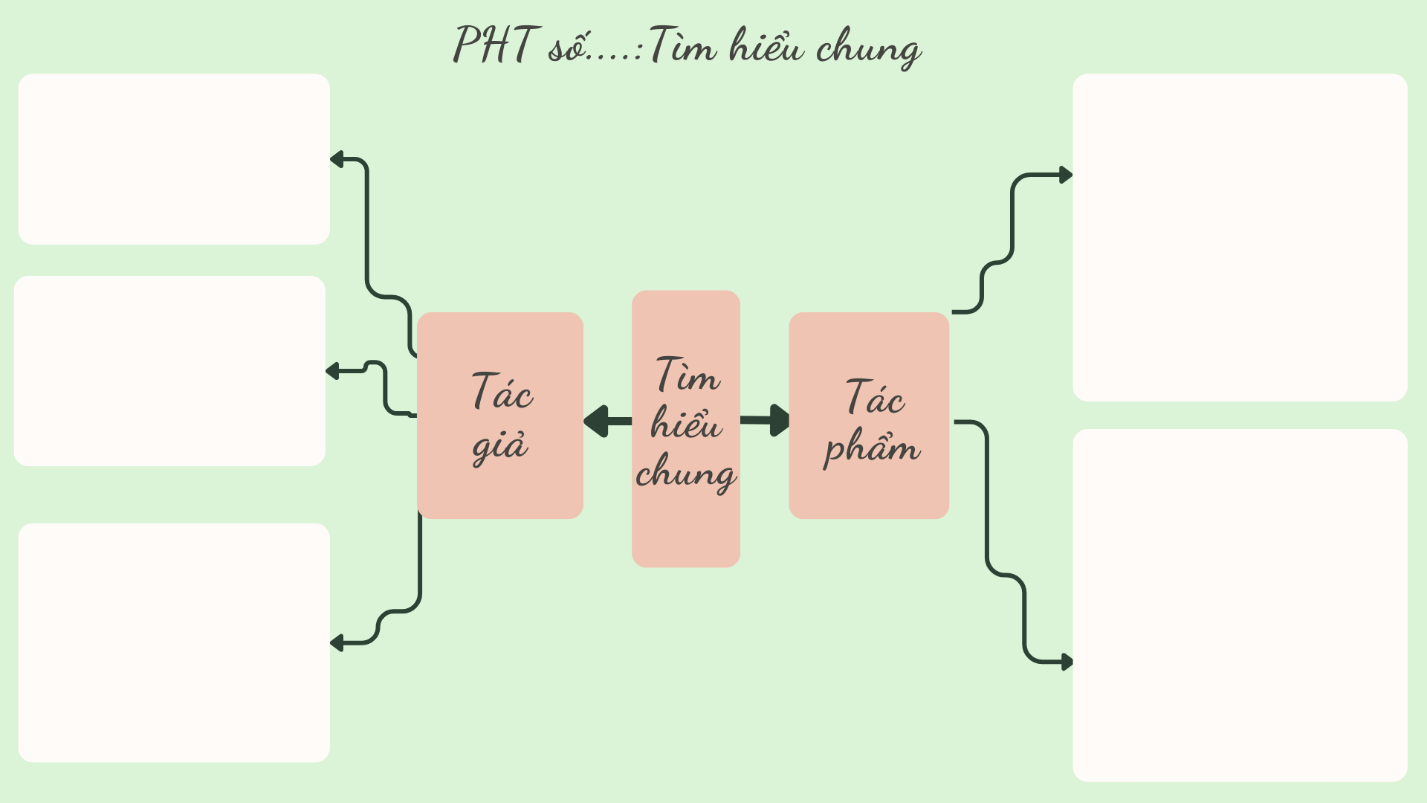
***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Nguyên nhân nào khiến cho việc khẳng định tình yêu của hai nhân vật Rô-mê-ô, Giu-li-ét trong tác phẩm của Sếch-xpia đương thời bị xem là chống lại dòng họ của mình? Em đồng tình/ không đồng tình với điều gì trong cách ứng xử của hai nhân vật này? Vì sao?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS dán câu trả lời lên bảng học tập của lớp.  *\* Kết luận, nhận định*  *-* GV chọn đọc ngẫu nhiên một số đoạn văn của Hs  - Gv nhận xét về sản phẩm của Hs | - Nguyên nhân:  (1) sự mâu thuẫn, thù hằn lâu đời giữa hai dòng họ Môn-ta-ghiu (nhà Rô-mê-ô) và Ca-piu-lét (nhà Giu-li-ét);  (2) trong bối cảnh xã hội thời đó, tự do cá nhân chưa được khẳng định và công nhận, hành động của mỗi người đều chịu sự chi phối từ danh dự của gia tộc.  🡪 Vì những nguyên nhân trên, việc Rô-mê-ô và Giu-li-ét yêu nhau được coi là một hành động chống lại quyết định của dòng họ.  - HS có thể đồng tình/ không đồng tình nhưng cần lí giải được ý kiến của mình. Gợi ý: Đồng tình với cách ứng xử của Rô-mê-ô và Giu-li-ét: Vì họ đã dũng cảm theo đuổi tình yêu của mình bất chấp mọi rào cản, đó là biểu tượng cho tình yêu đích thực, vượt qua mọi ràng buộc. |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

****

**Bài 9**

**NHỮNG BÀI HỌC TỪ TRẢI NGHIỆM ĐAU THƯƠNG**

**(Kịch - Bi kịch - 13 tiết)**

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết;  
Ôn tập: 1 tiết)

**Tiết theo PPCT: 118**

**DẠY ĐỌC**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC KỊCH - BI KỊCH**

**CÁI ROI TRE**

**(Nguyễn Vĩnh Tiến)**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS (học sinh) có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

- Liên hệ, kết nối với VB *Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man, Tình yêu và thù hận* để hiểu hơn về chủ điểm *Những bài học từ trải nghiệm đau thương.*

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Chăm chỉ

**II. KIẾN THỨC**

Hiểu thêm về chủ điểm *Những bài học từ trải nghiệm đau thương.*

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Tuỳ điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có thể).

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT, bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: *Em hãy lắng nghe ca khúc “Ba kể con nghe” và chia sẻ suy nghĩ của em sau khi nghe.*https://kyoutube.com/watch?v=xDxgVqwA95E  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS và dẫn dắt vào bài: Từ rất lâu về trước, người xưa đã có câu răn dạy như này: “Thương cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi”. Dù không ai chắc được câu này đúng hay sai, những chiếc roi đã trở thành một vật không thể thiếu trong tuổi thơ của trẻ em, nhất là các bạn ở nông thôn. Nguyễn Vĩnh Tiến đã sử dụng hình ảnh quen thuộc này trong bài thơ của mình, biến Chiếc roi tre trở thành một trong những bài thơ viết về tình cảm gia đình đặc sắc. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về văn bản này. | Bài hát như lời tâm tình mộc mạc của người cha kể về tuổi thơ bình yên bên những cánh đồng cho đến những ngày khôn lớn. Qua lời kể của mình, người cha muốn gửi đến cho đứa con niềm tin yêu và ước mơ về tương lai. Từ lời bài hát, chúng ta có thể cảm nhận được tình cảm của người cha dành cho con cái. Bài hát mô tả hành trình lớn lên của ba và con, qua những kí ức vui vẻ, buồn bã, và những khát khao trong cuộc sống. Đây không chỉ là câu chuyện riêng của gia đình người sáng tác mà còn là câu chuyện của rất nhiều người. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Gv gọi 2 Hs đọc bài.  - Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm theo **PHT số 1**  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm đôi HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  2 Hs đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe, nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét cách đọc | **1.1. Đọc**  - Cách đọc: to, rõ ràng và diễn cảm bài thơ thể hiện được cảm xúc của nhân vật trữ tình.  **1.2. Tác giả - tác phẩm**  **a. Tác giả**  Nguyễn Vĩnh Tiến: kiến trúc sư, nhà văn, nhà thơ, sinh năm 1974 tại tỉnh Phú Thọ; về âm nhạc, ông cũng là nhạc sĩ được biết đến với các bài hát như Bà tôi, Giọt sương bay lên,...  **b. Tác phẩm**  - Cái roi tre được in trong tập thơ Những bình minh khác, NXB Hội Nhà văn, 2001 |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

- Liên hệ, kết nối với VB *Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man, Tình yêu và thù hận* để hiểu hơn về chủ điểm *Những bài học từ trải nghiệm đau thương.*

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận nhóm đôi 4 câu hỏi  **Câu 1:** Nhận xét về cách quan sát, miêu tả cảnh vật của nhân vật “tôi” trong mười dòng thơ đầu.  **Câu 2:**  Trong văn bản, hình ảnh “cái roi tre” được nhắc đến mấy lần và xuất hiện trong những dòng thơ nào? Theo em, sự lặp lại hình ảnh như vậy có tác dụng gì?  **Câu 3:** Cách phản ứng khác nhau của người cha đối với việc bỏ học của người con ở dòng thơ đầu và dòng thơ cuối có tác dụng ra sao trong việc thể hiện chủ đề của bài thơ?  **Câu 4:** Theo em, qua bài thơ, đặc biệt là qua hai dòng thơ dưới đây, tác giả muốn gửi thông điệp gì đến người đọc?  *Tôi nhìn ông, muốn khóc oà*  *Nỗi đau đâu cứ phải là roi tre?*  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* |  |
| **Câu 1:** Nhân vật “tôi” đã quan sát, cảm nhận, miêu tả sự thay đổi của con người, loài vật, đồ vật xung quanh, khi ông ốm nặng bằng tổng hoà các giác quan: Thị giác *(bà ngồi than thở, rễ tre, rễ mít,...),* khứu giác (*hoa nhài nở chẳng còn thơm),* xúc giác *(ấm trà nguội ngắt),* cảm giác *(bữa cơm vội vàng),* bằng cả tấm lòng thương yêu dành cho ông, bằng cả sự lo lắng, bất an trước sự việc rất hệ trọng là ông mình bị ốm. Tất cả những quan sát, cảm nhận ấy đều bắt nguồn từ sự lo lắng, yêu thương ông sâu sắc của nhân vật "tôi".  **Câu 2:** Hình ảnh "cái roi tre" xuất hiện trong nhan đề bài thơ và được nhắc lại hai lần ở dòng thơ thứ mười bốn *(Nỗi đau đâu cứ phải là* ***roi tre****?),* và thứ mười sáu *(Bố tôi quăng cái* ***roi tre*** *lên trời).* Sự lặp lại hình ảnh *cái roi tre* trong bài thơ giúp tô đậm nghĩa biểu tượng của hình ảnh: Trong tâm trí của nhân vật "tôi", có một "nỗi đau" kiểu "roi tre" - nỗi đau cảm nhận bằng da thịt, cảm nhận tình thương và sự nghiêm khắc của người bố muốn con chăm chỉ học hành; nhưng qua trải nghiệm, nhân vật "tôi" vỡ lẽ ra rằng: *Nỗi đau đâu cứ phải là* ***roi tre****,* bởi, đã trải nghiệm một nỗi đau khác: Nỗi đau trong lòng trước sự mất mát,khi tai hoạ, bệnh tật ập đến với người thân. Khi đó, không cần roi tre, không cần ai đánh mà vẫn đau.  **Câu 3:** Chủ đề của bài thơ là nỗi đau và sự bất an trong tâm hồn khi chứng kiến người thân lâm vào tình trạng bệnh nặng. Điều này được thể hiện qua sự đối lập giữa hai dòng thơ mở đầu và kết thúc:  - Dòng đầu: Người cha “vớ cái roi tre” khi con bỏ học.  - Dòng cuối: Khi biết cha ốm nặng, người con trở về thăm, cha “quăng cái roi tre lên trời” - thể hiện sự đổi thay tâm trạng.  Sự đối lập ấy, nhất là cách phản ứng khác nhau của người cha đối với việc "bỏ học" của người con ở dòng thơ đầu và dòng thơ cuối, có tác dụng tô đậm nỗi đau, nỗi bất an trong tâm hồn của cả cha lẫn "tôi" khi chứng kiến cha, ông mình lâm trọng bệnh.  **Câu 4:** Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc qua bài thơ và nhất là qua hai câu thơ cuối là: Nỗi đau tinh thần do mất mát, bệnh tật của người thân gây ra, sâu sắc và thấm thía hơn nhiều so với nỗi đau thể xác. | |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  *\* Thực hiện nhiệm vụ* và *Báo cáo, thảo luận:* 2,3 Hs trả lời, Hs khác nhận xét  *\* Kết luận, nhận định*: GV nhận xét | **III. Tổng kết**  - Nội dung  + Ca ngợi tình yêu thương của con cháu dành cho ông bà.  + Khơi gợi suy nghĩ về trách nhiệm giáo dục con cái.  - Nghệ thuật  + Sử dụng ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, gần gũi với đời sống.  + Hình ảnh thơ sinh động, giàu sức gợi cảm.  + Âm điệu thơ nhẹ nhàng, tha thiết. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Khoảnh khắc yêu thương”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv tổ chức trò chơi “Khoảnh khắc yêu thương” (gia đình ăn cơm; đi dạo; làm việc; học bài; xem phim; chăm sóc khi bệnh;...)  **Câu 1:** Trong bài thơ, hình ảnh “cái roi tre” được nhắc đến mấy lần?  A. 2 lần  **B.** 3 lần  C. 4 lần  D. 5 lần  **Câu 2:** Bài thơ được viết theo thể thơ nào?  A. Thơ tự do  **B.** Lục bát.  C. Song thất lục bát  D. Thất ngôn tứ tuyệt  **Câu 3:** Loài hoa nào được nhắc đến trong bài thơ?  A. Hoa hồng  B. Hoa cúc  **C.** Hoa nhài  D. Hoa lan  **Câu 4:** Tại sao nhân vật “tôi” lại bỏ học chạy về thăm ông?  A. Vì ghét đi học  **B.** Vì lo lắng cho sức khỏe của ông  C. Vì muốn trốn học  D. Vì nhớ nhà  **Câu 5:** Bài thơ nói lên điều gì về mối quan hệ gia đình?  A. Gia đình luôn hạnh phúc  **B.** Tình cảm gia đình sâu đậm dù có khó khăn  C. Gia đình thường xuyên xung đột  D. Cha mẹ không quan tâm đến con cái  **Câu 6:** Bài thơ thể hiện quan điểm gì về việc giáo dục con cái?  A. Nên dùng roi vọt để dạy con  **B.** Cần thấu hiểu và yêu thương con hơn là trừng phạt  C. Không nên quan tâm đến việc học của con  D. Nên để con tự do hoàn toàn  **Câu 7:** Hình ảnh "roi tre" trong bài thơ tượng trưng cho điều gì?  A. Tình yêu thương  **B.** Sự nghiêm khắc, kỷ luật  C. Truyền thống gia đình  D. Sự nghèo khó  **Câu 8:** Thông điệp chính của bài thơ là gì?  A. Cần phải chăm chỉ học hành  **B.** Tình yêu thương gia đình quan trọng hơn kỷ luật nghiêm khắc  C. Không nên bỏ học dưới mọi hình thức  D. Cần tôn trọng người già trong gia đình  **Câu 9:** Việc tác giả bỏ học về thăm ông cho thấy điều gì về nhân vật "tôi"?  A. Là người lười biếng, không có trách nhiệm  **B.** Có tình cảm sâu sắc với gia đình, biết lo lắng cho người thân  C. Là người ngang bướng, không nghe lời cha mẹ  D. Không coi trọng việc học  **Câu 10:** Qua bài thơ, tác giả muốn đề cao giá trị nào trong cuộc sống?  A. Sự giàu có, thành đạt  **B.** Tình yêu thương, sự gắn kết gia đình  C. Thành tích học tập xuất sắc  D. Sự độc lập, tự do cá nhân  **Câu 11:** Thông điệp mà tác giả muốn gửi tới người đọc qua hai câu thơ sau là gì?  “Tôi nhìn ông, muốn khóc oà  Nỗi đau đâu cứ phải là roi tre”  **A.** Có những nỗi đau sâu kín được cảm nhận bằng tâm hồn nhiều khi còn thấm thía, đáng sợ hơn nỗi đau cảm nhận bằng thân thể  B. Nỗi đau tinh thần không đáng sợ bằng nỗi đau thể xác  C. Sự đồng cảm và thấu hiểu giữa các thành viên trong gia đình  D. Tình yêu và sự quan tâm của người cha dành cho con cái  D. Mùa xuân đã đến  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*HS tham gia trò chơi.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức: | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

***b. Nội dung:*** Hs viết một đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ của em về bài thơ Cái roi tre

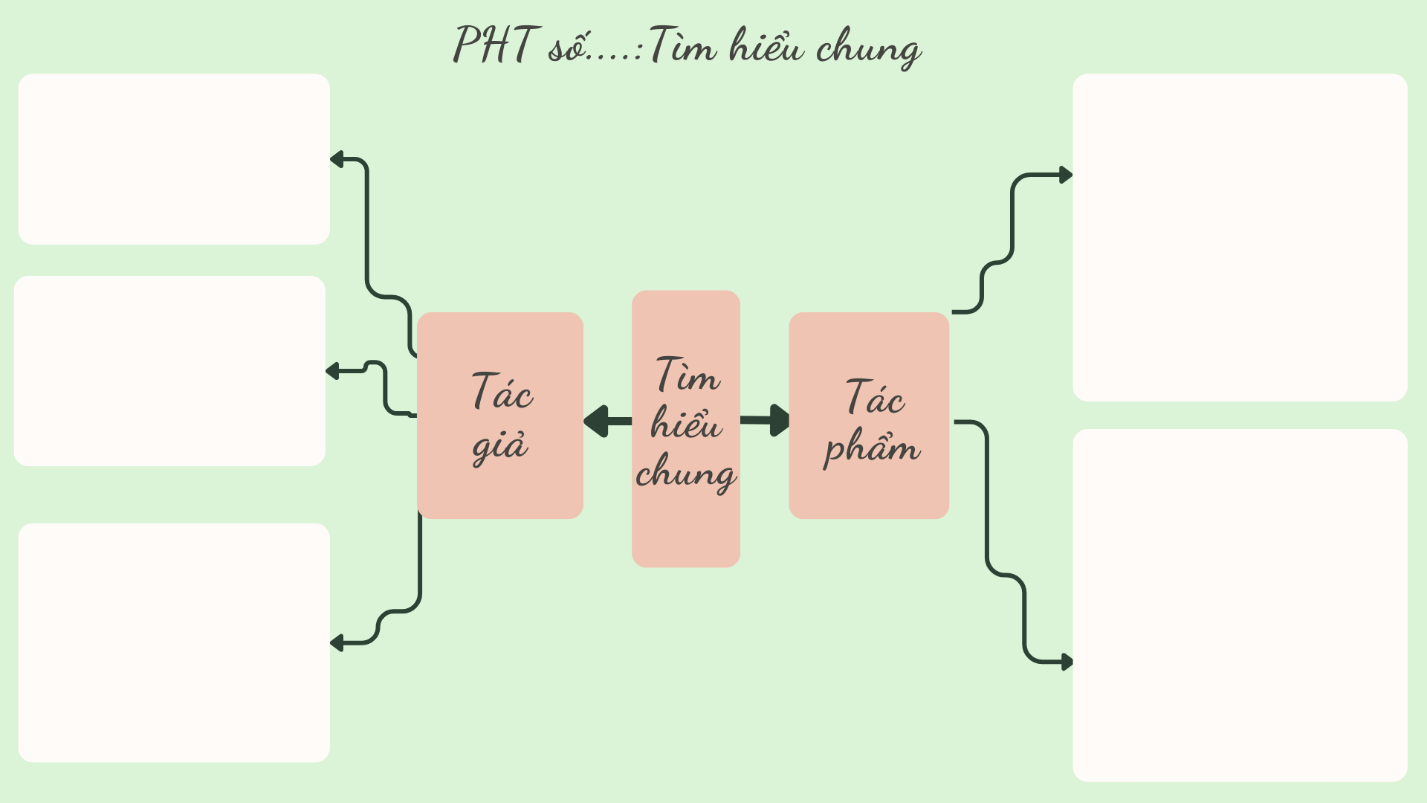
***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Viết một đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ của em về bài thơ Cái roi tre  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs | Hs thực hành |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

****

**Bài 9**

**NHỮNG BÀI HỌC TỪ TRẢI NGHIỆM ĐAU THƯƠNG**

**(Kịch - Bi kịch - 13 tiết)**

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 2 tiết;  
Ôn tập: 1 tiết)

**Tiết theo PPCT: 119**

**DẠY ĐỌC**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC KỊCH - BI KỊCH**

**CÁI BÓNG TRÊN TƯỜNG**

**(Nguyễn Đình Thi)**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS (học sinh) có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: Xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**2. Phẩm chất**

Biết gìn giữ niềm tin và tình bạn trong sáng; nhận thức được hoàn cảnh sống của bản thân, gia đình, biết hành xử phù hợp.

**II. KIẾN THỨC**

- Đặc điểm cốt truyện, nhân vật, ngôn ngữ của kịch - bi kịch.

- Cách đọc kịch - bi kịch.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

Tuỳ điều kiện, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học dưới đây:

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, phim (nếu có thể).

- Giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm.

- PHT, bảng kiểm kĩ năng đọc diễn cảm.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền, khơi gợi hứng thú của Hs

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT:*  - Hình ảnh sau gợi đến tác phẩm nào? Em ấn tượng nhất về chi tiết nào trong tác phẩm đó?  Chuyện người con gái Nam Xương [Truyền kì mạn lục] - Thế giới cổ tích  *-* Em hãy nhắc lại ý nghĩa về chi tiết “cái bóng” trong câu chuyện về nàng Vũ Thị Thiết mà em đã được học.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt vào bài mới: Chi tiết chiếc bóng trên tường trong truyện kể dân gian đã trở thành nguồn cảm hứng của không ít văn sĩ như: Lê Thánh Tông, Nguyễn Dữ và Nguyễn Đình Thi. | - là điểm thắt nút đẩy kịch tính lên cao độ trong chuỗi sự việc của tác phẩm, đẩy Vũ Nương vào một tình huống nghiệt ngã không lối thoát.  - giải oan cho nàng Vũ Thị Thiết. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trải nghiệm cùng văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Đọc VB và sử dụng được một số kĩ thuật đọc khi trả lời câu hỏi trong khi đọc.

***b. Nội dung:*** HS đọc văn bản và trả lời câu hỏi trong khi đọc

***c. Sản phẩm:*** Phần đọc của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Gv hướng dẫn Hs đọc văn bản và tìm hiểu về tác giả tác phẩm theo **PHT số 1**  ***\**** *Thực hiện nhiệm vụ:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Gv gọi 2 Hs đọc, các Hs khác nhận xét.  *\* Kết luận, nhận định:* Nhận xét về kĩ năng đọc | **1.1. Đọc**  - Cách đọc: Khi đọc, HS cần chú ý ngữ điệu phù hợp với cảm xúc của nhân vật (tha thiết, giằng xé, khổ đau…).  **1.2. Tác giả - tác phẩm**  **a. Tác giả**  Nguyễn Đình Thi (1924 – 2003): nhà thơ, nhà văn, nhà phê bình văn học, nhạc sĩ, tác giả của nhiều tác phẩm nổi tiếng thuộc các thể loại: thơ, truyện, kịch, âm nhạc,... (xem thêm ở văn bản thơ Việt Nam quê hương ta, Ngữ văn 6, tập một, bộ sách Chân trời sáng tạo, NXB Giáo dục Việt Nam, 2021).  **b. Tác phẩm**  - Cái bóng trên tường là chi tiết quan trọng trong một truyện kể dân gian về nỗi oan khuất của nàng Vũ Thị Thiết, sau được Nguyễn Dữ viết thành truyện truyền kì nổi tiếng: Chuyện người con gái Nam Xương (xem Bài 4. Con người trong thế giới kì ảo).  - Văn bản in trong Tuyển tập Nguyễn Đình Thi, NXB Văn học, 1993. |

**2. Suy ngẫm và phản hồi**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của bi kịch như: Xung đột, hành động, cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

- Nhận biết và phân tích được mối quan hệ giữa nội dung và hình thức của VB văn học.

- Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết được vai trò của người đọc và bối cảnh tiếp nhận đối với việc đọc hiểu tác phẩm văn học.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời các câu hỏi trong SGK

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| \* *Giao nhiệm vụ học tập:* Hs thảo luận nhóm đôi 6 câu hỏi  Câu 1: Nêu một số dấu hiệu cho thấy văn bản trên mang đặc điểm của thể loại bi kịch.  Câu 2 Tóm tắt cốt truyện và xác định xung đột/ kiểu xung đột kịch của văn bản.  Câu 3: Phân tích thái độ, cách ứng xử của nhân vật người chồng và nhân vật người vợ trong văn bản. Giải thích nguyên nhân dẫn đến việc thay đổi thái độ, cách ứng xử của người chồng đối với vợ mình ở cuối văn bản.  Câu 4: Phân tích ý nghĩa của hình ảnh “cái bóng trên tường” trong nhan đề và trong các lời thoại dưới đây:  Bóng người vợ - Cứ mỗi tối, anh thắp đèn, thì em sẽ về, cứ mỗi tối anh thắp đèn lên thì sẽ thấy em. Anh thắp đèn lên, sẽ thấy em (biến đi).  Người chồng - (tỉnh dậy) Em ơi, chẳng phải riêng một mình anh mà từ nay, hễ có ai thắp đèn buổi tối, trông lên cái bóng trên tường thì sẽ nhìn thấy em.  Câu 5: Chỉ ra sự khác biệt về cốt truyện, nhân vật trong kịch bản trên đây so với Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ, xem Bài 4). Theo em, vì sao có sự khác biệt như vậy?  Câu 6: Xác định chủ đề và thông điệp mà tác giả vở kịch muốn gửi đến người xem, người đọc.  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*HS xem lại và hoàn thiện sản phẩm nhiệm vụ đọc đã thực hiện ở nhà, chuẩn bị chia sẻ theo nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS chia sẻ kết quả nhiệm vụ đọc trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* |  |
| **Câu 1:**  - Nhân vật kịch: người chồng, đứa con, người vợ  - Lời thoại kịch: Văn bản sử dụng nhiều hình ảnh biểu tượng, tiếng nói ẩn hình, hình bóng của nhân vật, tạo dư âm của các loại thoại.  - Hành động kịch  - Xung đột kịch: Xung đột giữa cái cao cả (sự thủy chung, độ lượng) với cái thấp kém (sự bất cẩn, hồ đồ, ghen tuông mù quáng)  **Câu 2:**  - Tóm tắt cốt truyện kịch: Người chồng, sau khi từng đi lính ở biên ải, tưởng là đã chết, bỗng nhiên trở về và gặp lại vợ con. Trong lúc đi thăm mộ mẹ, anh nghe con nói về một người bố khác vẫn thường xuyên đến với hai mẹ con. Nghĩ rằng vợ mình đã phản bội, anh đuổi vợ ra khỏi nhà. Người vợ nhảy xuống sông tự tử. Khi biết được sự thật, người chồng hối hận vì đã đối xử quá nặng nề với vợ. Đêm đến, khi anh thắp đèn lên, đứa con chỉ lên bóng của anh trên tường và nói đó mới chính là cha nó. Lúc này, người chồng mới hiểu ra rằng vợ mình vẫn luôn chung thuỷ, vì anh mà chịu đựng mọi khổ nhục. Thương xót vợ, người chồng ngã vật xuống và bất tỉnh. Trong cơn mê man, anh trông thấy bóng vợ an ủi mình, nói rằng nàng vẫn luôn ở bên anh qua cái bóng trên tường mỗi khi anh thắp đèn.  - Xung đột của vở kịch *Cái bóng trên tường* là xung đột giữa thói ghen tuông hồ đồ của người chồng với lòng thuỷ chung của người vợ. Đây là kiểu xung đột giữa cái cao cả với cái thấp kém, tạo nên tính bi kịch của tác phẩm.  **Câu 3:**  - Phân tích thái độ, cách ứng xử của người chồng và người vợ:   |  |  | | --- | --- | | **Người chồng** | **Người vợ** | | Ban đầu nghĩ vợ đã phản bội, mạt sát và đuổi vợ ra khỏi nhà | Chịu đựng sự đối xử nặng nề của chồng, đã tự tử bằng cách nhảy xuống sông | | Sau khi biết sự thật, ngạc nhiên và hối hận vì đã đối xử quá nặng nề với vợ | Dù đã ra đi, vẫn hiện diện bên chồng, an ủi và tiếp thêm sức sống cho chồng qua cái bóng trên tường |   - Nguyên nhân thay đổi thái độ, cách ứng xử của người chồng: Do biết mình đã hiểu lầm lời nói ngây thơ của con.  **Câu 4:**  **\*** Về nghĩa đen: "cái bóng trên tường" chỉ bóng dáng của con người hắt lên tường bởi ánh đèn.  \* Nghĩa biểu tượng  - Thứ nhất, "cái bóng trên tường" có thể biểu trưng cho sự ngộ nhận, hiểu lầm và đánh giá sai lầm của người chồng về vợ mình. Những bóng dáng ảo ảnh này đã dẫn đến những hành động hồ đồ, ghen tuông mù quáng, gây ra những hậu quả bi thương.  - Thứ hai, "cái bóng trên tường" có thể được xem là hình ảnh thân thiết, đầm ấm của người vợ, người mẹ. Dù đã ra đi, nàng vẫn hiện diện bên chồng, an ủi và tiếp thêm sức sống cho chồng. Đây là biểu tượng của lòng thương yêu, độ lượng và sự tha thứ, cao cả.  **Câu 5:** Có một vài sự khác biệt về cốt truyện,  - Sự khác biệt về cốt truyện, nhân vật trong kịch bản:  + Cốt truyện: Cốt truyện có sự thay đổi, ít yếu tố kì ảo hoang đường hơn và tập trung sâu hơn vào lời thoại, hành động, nội tâm nhân vật chính.  + Nhân vật: Hệ thống nhân vật được rút gọn, làm nổi bật 2 nhân vật chính Trương Sinh, Vũ Thị Thiết; nhân vật người vợ sau khi chết vẫn về với chồng con hằng đêm.  🡪 Sự khác biệt do yêu cầu thể loại (kịch) và do sự nhận thức (theo lí giải của tác giả Lưu Quang Vũ).  **Câu 6:**  - Chủ đề: Sự hồ đồ dẫn đến kết cục bi thương và hậu quả đáng tiếc trong cuộc sống gia đình.  - Thông điệp: Cần cẩn trọng khi nhìn nhận, xét đoán người khác đồng thời hãy sống độ lượng và biết tha thứ. | |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Học sinh làm việc cá nhân để khái quát nội dung và nghệ thuật của VB

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Em hãy khái quát nội dung và nghệ thuật của văn bản  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS | **III. Tổng kết**  - Văn bản Cái bóng trên tường cho thấy sự xung đột dữ dội giữa người chồng ít học, đa nghi, kết tội cho vợ là ngoại tình với người vợ chung thuỷ, đảm đang, sẵn sàng dùng cái chết để bảo vệ danh dự của mình. Qua đó, thể hiện sự thương cảm của tác giả đối với số phận người phụ nữ và ngợi ca, trân trọng vẻ đẹp nhân cách, tâm hồn của họ.  - Nghệ thuật:  + Khai thác đề tài dân gian, trên nền của những tích, truyện dân gian, tác giả đã tạo nên cốt truyện kịch hiện đại, mềm dẻo, linh hoạt hơn, kịch tính.  + Ngôn ngữ kịch mang chiều sâu triết lý, giàu cảm xúc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Chim cánh cụt”

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Gv tổ chức trò chơi “Chim cánh cụt”  **Câu 1:** Cốt truyện xoay quanh việc:  A. Người chồng đi lính trở về  **B.** Người vợ tự tử vì bị nghi oan  C. Đứa con bị bệnh nặng  D. Gia đình bị phá sản  **Câu 2:** Vì sao người chồng nghi ngờ vợ mình?  A. Vì nghe lời đồn đại  B. Vì thấy vợ đi chơi với người khác  **C.** Vì hiểu lầm lời nói của con  D. Vì đọc được nhật ký của vợ  **Câu 3:** Hành động nào của người vợ cho thấy sự trong sạch của cô?  A. Khóc lóc van xin  B. Giải thích rõ ràng  **C.** Ra sông trẫm mình  D. Bỏ đi  **Câu 4:** Điều gì khiến bi kịch trong vở kịch trở nên sâu sắc hơn?  **A.** Sự hiểu lầm không đáng có  B. Cái chết của người vợ  C. Nỗi đau của đứa con  D. Sự hối hận muộn màng của người chồng  **Câu 5:** Ý nghĩa của việc người vợ hiện về trong giấc mơ của chồng là gì?  **A.** Thể hiện sự tha thứ  B. Tố cáo tội lỗi của chồng  C. Đòi lại công bằng  D. Dọa nạt, trả thù  **Câu 6:** Ý nghĩa của câu nói "Anh nhìn con thì thấy em. Anh nhìn cây táo này, cái sân này, chỗ bờ sông này thì thấy em. Anh nhìn đất, nhìn trời thì thấy em ..." là:  A. Linh hồn người vợ vẫn còn  B. Tình yêu vẫn tồn tại sau cái chết  **C.** Người vợ vẫn sống trong kí ức  D. Người vợ đang ám ảnh người chồng  **Câu 7:** Xung đột của vở kịch “Cái bóng trên tường” là gì?  **A.** Xung đột giữa thói ghen tuông hồ đồ của người chồng với lòng thuỷ chung của người vợ.  B. Xung đột giữa sự thật và sự hiểu lầm trong gia đình.  C. Xung đột giữa những giá trị truyền thống và hiện đại.  D. Xung đột giữa tình yêu và sự ích kỷ cá nhân.  **Câu 8:** Kiểu xung đột của vở kịch “Cái bóng trên tường” là:  **A.** Xung đột giữa cái cao cả với cái thấp kém, tạo nên tính bi kịch của tác phẩm.  B. Xung đột giữa tình yêu và sự phản bội.  C. Xung đột giữa những giá trị đạo đức khác nhau.  D. Xung đột giữa sự thật và những giả định sai lầm.  **Câu 9:** Điều gì khiến người chồng tin rằng vợ mình có người khác?  A. Lời kể của hàng xóm  **B.** Cách giải thích của đứa con về cái bóng trên tường  C. Một lá thư tình bí mật  D. Hành vi lạ của người vợ  **Câu 10:** Chủ đề của vở kịch “Cái bóng trên tường” là:  **A.** Sự hồ đồ dẫn đến kết cục bi thương và hậu quả đáng tiếng trong cuộc sống gia đình  B. Tình yêu và sự hiểu lầm trong hôn nhân  C. Mối quan hệ phức tạp giữa cha mẹ và con cái  D. Sự xung đột giữa những giá trị truyền thống và hiện đại  **Câu 11:**Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc là gì?  A. Đừng để định kiến làm tổn thương người khác  **B.** Hãy cẩn trọng khi nhìn nhận, xét đoán người khác  C. Sự thấu hiểu và cảm thông có thể hàn gắn mọi vết thương  D. Hãy luôn lắng nghe và thấu hiểu người khác  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* 1 – 2 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS | |

**D. VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Liên hệ, vận dụng được những điều đã đọc từ VB để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống.

***b. Nội dung:*** Hs viết đoạn văn

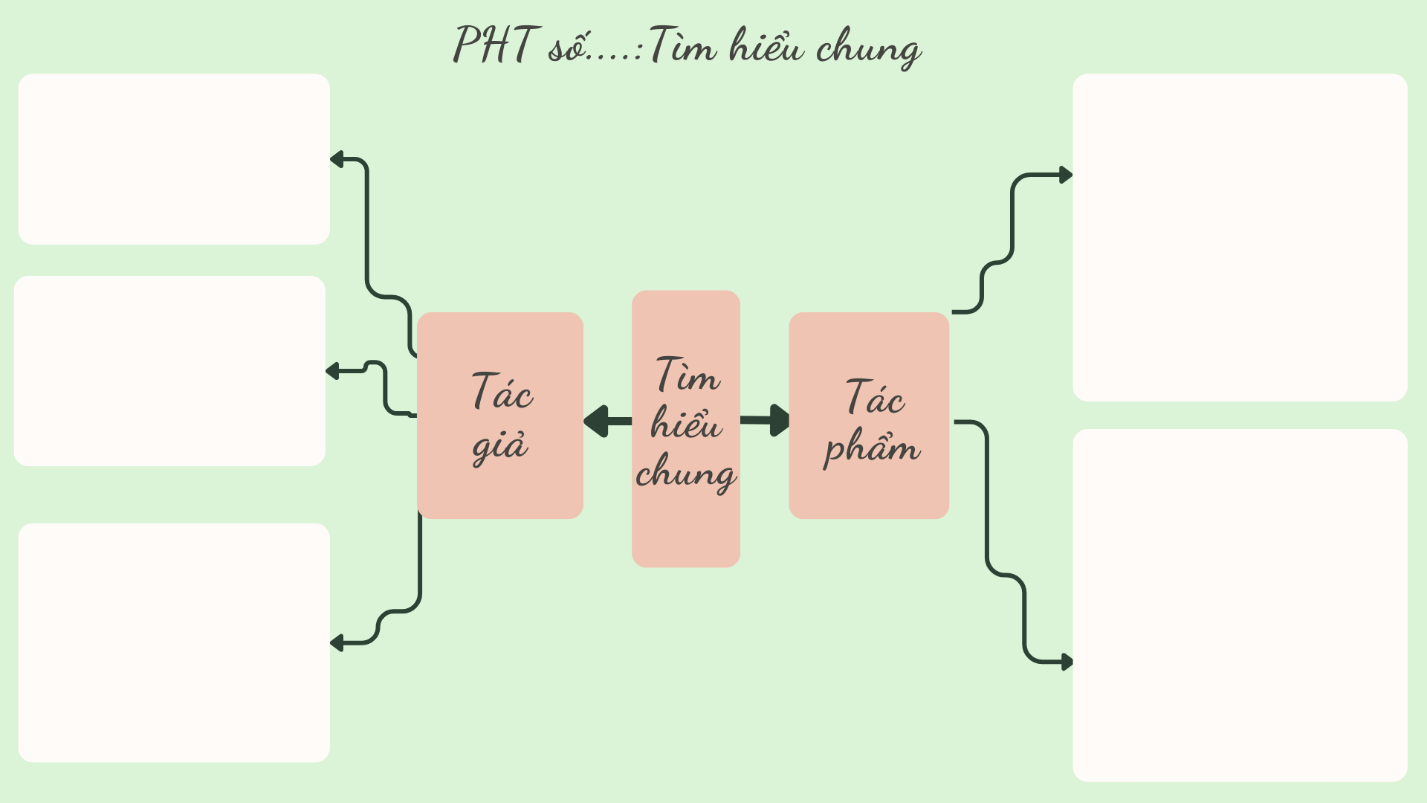
***c. Sản phẩm:*** Đoạn văn của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Qua văn bản, em rút ra được thông điệp gì có ý nghĩa?  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo thảo luận:* Các nhóm gửi sản phẩm vào nhóm zalo của lớp  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của Hs | - Hãy trân trọng, tin tưởng những người xung quanh mình.  - Cần xem xét kĩ từng vấn đề, nhìn nhận đánh giá qua nhiều góc độ khác nhau.  - Hãy sáng suốt nhìn nhận vấn đề và đừng mù quáng, gây ra hối hận về sau. |

**IV. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

****

**Tiết theo PPCT: 120**

DẠY TIẾNG VIỆT

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TIẾNG VIỆT**

**BIẾN ĐỔI VÀ MỞ RỘNG CẤU TRÚC CÂU: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1 Năng lực đặc thù**

Nhận biết được đặc điểm, tác dụng của việc biến đổi và mở rộng cấu trúc câu; biến đổi và mở rộng được cấu trúc câu trong giao tiếp.

**1.2. Năng lực chung**

Năng lực giao tiếp, hợp tác: Thể hiện qua hoạt động làm việc nhóm đôi và nhóm trong hoạt động học *Hình thành kiến thức mới* và *Luyện tập.*

**2. Phẩm chất**

**II. KIẾN THỨC**

Biến đổi và mở rộng cấu trúc câu: Đặc điểm và tác dụng.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- PHT,...

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt được hiểu biết kiến thức nền liên quan đến nội dung bài học.

- Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ học tập tiếng Việt cần thực hiện.

***b. Nội dung:*** Hs so sánh 2 ngữ liệu

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - Cách 1: Hãy cho biết những những câu in đậm có đảm bảo cấu trúc chủ ngữ - vị ngữ hay không? Giải thích vì sao.  + Anh đang làm gì đấy ? - **Đang học.**  + Ai làm việc này ? - **Bạn Bình.**  + Bao giờ bạn về ? - **Ngày mai.**  - Cách 2:Em hãy thay đổi câu văn “Gió thổi” theo các yêu cầu sau: thêm trạng ngữ cho câu, mở rộng phần vị ngữ cho câu.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS lần lượt thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Hai HS trình bày. Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* - GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu về biến đổi và mở rộng cấu trúc câu để có thể áp dụng kiến thức vào quá trình giao tiếp và tạo lập văn bản hiệu quả và chính xác. | Gợi ý  - Cách 1: Không đảm bảo cấu trúc chủ ngữ - vị ngữ.  + Thiếu chủ ngữ  + Thiếu vị ngữ  + Thiếu cả chủ ngữ lẫn vị ngữ  - Cách 2:  + “Gió thổi” thêm trạng ngữ: Ngoài kia, gió thổi.  + “Gió thổi” mở rộng thêm vị ngữ: Gió thổi làm mái tóc Linh tung bay. |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được đặc điểm và tác dụng của việc biến đổi và mở rộng cấu trúc câu.

***b. Nội dung:*** Hs đọc tri thức tiếng Việt và trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm 2 HS lần lượt đọc và so sánh các cặp câu trong các ví dụ 1, 2, 3 của SGK, từ đó, rút ra các cách biến đổi và mở rộng cấu trúc câu.  Ví dụ 1: Thay đổi trật tự các thành phần trong câu  (1a) Chúng tôi đã nghĩ đến ***những vấn đề này***.  (1b) **Những vấn đề này**, chúng tôi đã nghĩ đến.  Ví dụ 2: Tách câu  (2a) **Ôi**, trời lạnh quá!  (2b) **Ôi**! Trời lạnh quá!  Ví dụ 3: Thêm thành phần phụ  (3a) Nam không đến.  (3b) **Hình như hôm nay,** Nam không đến.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm HS đọc và thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  - Đại diện 1 – 2 trả lời  - Đại diện 1 - 2 nhóm HS cho ví dụ minh hoạ, các nhóm khác lắng nghe, nêu câu hỏi (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định* | **I. Tri thức tiếng Việt**  **1. Biến đổi cấu trúc câu**  Biến đổi cấu trúc câu có thể thực hiện bằng nhiều cách khác nhau như: thay đổi trật tự các thành phần trong câu, tách câu, gộp câu, rút gọn câu,... nhằm đáp ứng các mục đích khác nhau (nhấn mạnh thông tin, cung cấp thêm thông tin, làm cho câu ngắn gọn hơn,...).  **2. Mở rộng cấu trúc câu**  Mở rộng cấu trúc câu có thể thực hiện bằng cách thêm thành phần phụ, dùng cụm từ mở rộng thành phần câu nhằm cung cấp thêm thông tin về một khía cạnh nào đó. |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết được những đặc điểm và tác dụng của việc biến đổi và mở rộng cấu trúc câu.

- Vận dụng được một số đặc điểm của việc biến đổi và mở rộng cấu trúc câu qua đó ứng dụng vào quá trình giao tiếp.

***b. Nội dung:*** Hs làm bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK.

***c. Sản phẩm:*** Nội dung trả lời của các bài tập 1, 2, 3, 4, 5 trong SGK.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hs làm bài tập 1, 2, 3, 4 trong SGK.  **Bài tập** **1:** Nhận xét về sự khác biệt giữa cấu trúc các câu a1 và a2, b1 và b2, c1 và c2 dưới đây. Nêu tác dụng của cấu trúc câu trong từng trường hợp.  a1. *Để có được những bài học quý, con người thường phải nếm trải nhiều khó khăn, vượt qua nhiều thử thách, thậm chí lâm vào những tình huống, cảnh ngộ bi đát, phải trả giá đắt cho những sai lầm.*  a2. *Con người thường phải nếm trải nhiều khó khăn, vượt qua nhiều thử thách, thậm chí lâm vào những tình huống, cảnh ngộ bị đát, phải trả giá đắt cho những sai lầm để có được những bài học quý.*  b1. *Vậy những lẽ dở hay, cả sở thích riêng, ý nguyện riêng nhà ngươi cũng không có ư?*  (Lưu Quang Thuận - Lưu Quang Vũ, *Nàng Si-ta*)  b2. *Vậy nhà ngươi không có những lẽ dở hay, không có cả sở thích riêng, ý nguyện riêng tư?*  c1. *Tại buổi dạ hội đó, trong y phục của một người hành hương, Rô-mê-ô đã gặp Giu-li-ét và nhận ra rằng đến lúc này chàng mới yêu thật sự.*  c2. *Rô-mê-ô đã gặp Giu-li-ét tại buổi dạ hội đó và nhận ra rằng đến lúc này chàng mới yêu thật sự.*  **Bài tập 2:** Cho câu sau: “Anh ấy đã xem bộ phim Rô-mê-ô và Giu-li-ét”.  a. Thêm các thành phần phụ (trạng ngữ, thành phần phụ chú, thành phần tình thái,...) vào câu trên.  b. Nhận xét sự khác biệt về ý nghĩa giữa câu trên và (các) câu em vừa viết.  **Bài tập 3:** Đọc đoạn thoại sau và thực hiện yêu cầu bên dưới:  ***Si-la*** *- Kìa! Sao ông nhìn tôi kĩ thế...*  ***Pơ-liêm*** *- Chàng trai này ở đâu?*  ***Ha-nu-man*** *- Ở hội thi võ có rất nhiều chàng trai ở khắp các nơi về. Tôi đã gặp chàng trai này và đưa đến đây để gặp bệ hạ.*  ***Pơ-liêm*** ***- Gặp ta có việc gì?***  (Lưu Quang Thuận - Lưu Quang Vũ, *Nàng Si-ta*)  a. Nhận xét về cấu trúc của câu in đậm trong đoạn thoại trên.  b. Nêu tác dụng của việc sử dụng cấu trúc câu ấy.  **Bài tập 4:** Đọc lời thoại dưới đây và thực hiện các yêu cầu:  ***Pơ-liêm****-****Trời ơi!****Đến hôm nay ta mới được nghe một lời nói, lời nói của chàng trai trẻ.****Hỡi chàng trai, em hãy nói nữa đi, nói cho ta nghe nhiều nữa đi.***  (Lưu Quang Thuận - Lưu Quang Vũ, *Nàng Si-ta*)  a. Phân tích cấu trúc các câu in đậm trong lời thoại trên.  b. Viết lại lời thoại trên bằng cách tách/ gộp câu.  c. Nhận xét sự khác biệt về cấu trúc của lời thoại trong đoạn trích trên và phần lời thoại do em viết.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện một số nhóm lần lượt trình bày kết quả của từng bài tập, nhóm khác góp ý, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận nhóm.  - GV nhận xét các câu trả lời của HS | **Bài tập 1:**  - Cặp câu a1 - a2: Ở câu ai, phần trạng ngữ "để có được những bài học quý" được đặt ở đầu câu, có tác dụng nhấn mạnh thông tin; trong khi đó, ở câu a2, phần thông tin này được đặt ở cuối câu.  - Cặp câu b1 - b2: Bổ ngữ ở câu b2 được đảo vị trí lên đầu câu ở câu bi với mục đích nhấn mạnh thông tin.  - Cặp câu c1 - c2: So với câu 02, câu ci có thêm thành phần trạng ngữ "trong y phục của một người hành hương" với mục đích cung cấp thêm thông tin. Ngoài ra, trạng ngữ "tại buổi dạ hội đó" được đưa lên đầu câu ci nhằm nhấn mạnh thông tin về địa điểm.  **Bài tập 2:**  a. Một số câu đã mở rộng cấu trúc:  *(1) Tối hôm qua, anh ấy đã xem bộ phim "Rô-mê-ô và Giu-li-ét".*  *(2) Anh ấy đã xem bộ phim "Rô-mê-ô và Giu-li-ét" - một bộ phim chuyển thể từ vở bi kịch cùng tên của nhà văn Sếch-xpia.*  *(3) Ái chà, tối hôm qua, anh ấy đã xem bộ phim "Rô-mê-ô và Giu-li-ét".*  b. Sự khác biệt về ý nghĩa giữa câu trong đề bài và các câu vừa viết:  Ở câu (1), việc thêm thành phần trạng ngữ "tối hôm qua" có tác dụng bổ sung thông tin về thời gian (so với câu trong đề bài).  Ở câu (2), việc thêm thành phần phụ chú "một bộ phim chuyển thể từ vở bi kịch cùng tên của nhà văn Sếch-xpia" có tác dụng bổ sung thông tin về bộ phim Rô-mê-ô và Giu-li-ét (so với câu trong đề bài).  Ở câu (3), việc thêm thành phần cảm thán "ái chà" có tác dụng bổ sung cảm xúc của người nói đối với thông tin được đề cập trong câu, còn việc thêm thành phần trạng ngữ "tối hôm qua" có tác dụng bổ sung thông tin về thời gian (so với câu trong đề bài).  **Bài tập 3:**  a. Nhận xét: Câu “Gặp ta có việc gì?” là một câu rút gọn.  b. Tác dụng: Việc sử dụng cấu trúc câu rút gọn trong trường hợp này giúp câu ngắn gọn hơn, khiến cho nhịp độ của cuộc đối thoại nhanh hơn.  **Bài tập 4:** GV hướng dẫn HS đọc lời thoại đã cho và thực hiện các yêu cầu.  (1) ***Trời ơi!*** là câu đặc biệt dùng để bộc lộ cảm xúc của người nói.  (2) ***Hỡi chàng trai*** (thành phần gọi - đáp), ***em*** (CN) / ***hãy nói nữa đi, nói cho ta nghe nhiều nữa đi*** (VN).  b. Viết lại lời thoại bằng cách tách/ gộp câu:  *Gợi ý:* ***Trời ơi,*** *đến hôm nay ta mới được nghe một lời nói, lời nói của chàng trai trẻ.* ***Hỡi chàng trai!*** *Em hãy nói nữa đi, nói cho ta nghe nhiều nữa đi.*  GV cần lưu ý cho HS: Các thành phần biệt lập như thành phần gọi - đáp, thành phần cảm thán có thể tách ra tạo thành một câu đặc biệt *(****Hỡi chàng trai!*** *Em hãy nói nữa đi, nói cho ta nghe nhiều nữa đi.)* và ngược lại, các câu đặc biệt dùng để gọi - đáp, bộc lộ cảm xúc có thể gộp với câu phía sau để tạo thành một cấu trúc lớn hơn *(****Trời ơi****, đến hôm nay ta mới được nghe một lời nói, lời nói của chàng trai trẻ.).*  c. HS nhận xét sự khác biệt giữa cấu trúc của phần lời thoại đã cho và phần lời thoại do HS viết. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

***b. Nội dung:*** Viết một đoạn văn (khoảng 8 - 10 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản *Cái bóng trên tường*, trong đó có áp dụng các biện pháp mở rộng cấu trúc câu và biến đổi cấu trúc câu.

***c. Sản phẩm*:** Đoạn văncủa Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ HT*: Viết một đoạn văn (khoảng 8 - 10 dòng) nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản *Cái bóng trên tường*, trong đó có áp dụng các biện pháp mở rộng cấu trúc câu và biến đổi cấu trúc câu.  *\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*HS làm việc theo nhóm (thực hiện ở nhà).  *\* Báo cáo thảo luận: HS nộp sản phẩm vào nhóm lớp (nếu làm bản mềm) hoặc nộp trực tiếp cho GV*  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm của HS | Hs thực hành |

**Bài 9**

**NHỮNG BÀI HỌC TỪ TRẢI NGHIỆM ĐAU THƯƠNG**

**Tiết theo PPCT: 121,122**

DẠY VIẾT

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG VIẾT

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ trong học tập.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**2. Phẩm chất**

Có sự quyết đoán và xử sự linh hoạt, hợp tình hợp lí những vấn đề cần giải quyết.

**II. KIẾN THỨC**

- Kiến thức về kiểu bài viết về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

- Cách viết bài văn kể về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, bảng, phấn,...

- SGK, SGV, bảng biểu,...

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động xác định nhiệm vụ viết**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được nhiệm vụ viết.

***b. Nội dung:*** HS đọc khung Yêu cầu cần đạt trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và trả lời câu hỏi để xác định nhiệm vụ học tập

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ học tập cần thực hiện.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc khung *Yêu cầu cần đạt,* tên đề mục phần kĩ năng viết và trả lời câu hỏi sau: Ở bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS đọc SGK và tìm câu trả lời.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ học tập sẽ thực hiện.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ học tậP | Ở bài học này, HS viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. |

**2. Hoạt động giới thiệu tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được tình huống giao tiếp khi thực hiện bài viết: Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS về tình huống giao tiếp do GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm HS thảo luận câu hỏi: Khi nào cần viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục? Cách thực hiện như thế nào?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm đôi HS cùng bàn thảo luận.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 - 3 nhóm HS trình bày, các nhóm khác góp ý, bổ sung hoặc tất cả các nhóm cùng dán/ đính câu trả lời lên bảng phụ.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, hướng dẫn HS tổng hợp vấn đề và giới thiệu vào bài. | Tình huống giao tiếp:  - Vấn đề ô nhiễm môi trường: Ô nhiễm không khí, nước, rác thải,...  - Vấn đề an toàn giao thông: Tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông,...  - Vấn đề giáo dục: Bạo lực học đường, học sinh sa sút đạo đức,...  - Vấn đề y tế: Dịch bệnh, tệ nạn xã hội,...  - Vấn đề kinh tế: Thất nghiệp, tệ nạn tham nhũng,... |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

***a. Mục tiêu:*** Nhận biết được khái niệm bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục, yêu cầu đối với kiểu bài này.

***b. Nội dung:*** HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại thông tin về kiểu bài (Bài 6 - *Những vấn đề toàn cầu)* và thực hiện các yêu cầu sau:  - Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục là kiểu bài gì?  - Khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục, em cần chú ý đến yêu cầu nào?  - Em hãy nêu bố cục bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS đọc mục *Tri thức về kiểu bài* ở Bài 6 và thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:*  - Từ 2 - 4 HS trình bày ý kiến trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung.  - HS nêu câu hỏi cần giải đáp (nếu có).  *\* Kết luận, nhận định:* GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề theo định hướng. | - Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết thuộc kiểu bài nghị luận xã hội, trong đó, người viết nêu lí lẽ, bằng chứng để phân tích một vấn đề cần giải quyết, từ đó, đưa ra những giải pháp khả thi, thuyết phục cho vấn đề.  - Yêu cầu đối với kiểu văn bản:  • Về nội dung: xác định, phân tích được vấn đề cần giải quyết và đề xuất những giải pháp phù hợp, khả thi, thuyết phục.  • Về hình thức: lập luận chặt chẽ, đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  - Bố cục bài viết cần đảm bảo:  + Mở bài: giới thiệu vấn đề cần giải quyết, tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề.  + Thân bài: giải thích vấn đề cần giải quyết, phân tích vấn đề (thực trạng, nguyên nhân, tác hại) và đề xuất các giải pháp khả thi, thuyết phục.  + Kết bài: khẳng định lại ý kiến về tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề; nêu bài học cho bản thân (về suy nghĩ, hành động). |

**2. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

***a. Mục tiêu:*** Phân tích được đặc điểm của kiểu bài thể hiện qua ngữ liệu tham khảo, từ đó khái quát được đặc điểm của kiểu bài.

***b. Nội dung:*** HS đọc và trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK

***c. Sản phẩm:***  Câu trả lời các câu hỏi hướng dẫn phân tích mẫu trong SGK của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| (1) HS đọc thầm VB *Phòng ngừa "bệnh" nói, viết sáo rỗng* trong SGK, chú ý đến những phần được đánh số và khung thông tin tương ứng.  (2) Nhóm hai HS thảo luận, trả lời các câu hỏi ở phần *Hướng dẫn phân tích kiểu VB.*  Câu 1: Văn bản đã đáp ứng yêu cầu và bố cục của kiểu bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết như thế nào?  Câu 2: Ở phần thân bài, văn bản đã triển khai theo trình tự trình bày nhận thức về vấn đề trước, đề xuất giải pháp sau hay kết hợp trình bày nhận thức với đề xuất giải pháp? Theo em, trình tự mà tác giả lựa chọn có ưu thế gì trong việc trình bày vấn đề mà văn bản nêu lên?  Câu 3: Tác giả đã dùng những lí lẽ, bằng chứng nào để làm sáng tỏ vấn đề?  Câu 4: Bài viết đã đề xuất những giải pháp cụ thể nào?  *Thực hiện nhiệm vụ:* HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 - 3 nhóm HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS xác định các yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục |  |
| **Câu 1:**   |  |  | | --- | --- | | **Bố cục kiểu bài** | **Bố cục VB**  **Phòng ngừa "bệnh" nói, viết sáo rỗng** | | **Mở bài:** Giới thiệu vấn đề cần giải quyết, tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề  **Thân bài:** Giải thích vấn đề cần giải quyết; phân tích vấn đề (thực trạng, nguyên nhân, tác hại) và đề xuất các giải pháp khả thi, thuyết phục  **Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến về tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề; nêu bài học cho bản thân (về suy nghĩ, hành động) | **Mở bài:** Giới thiệu được về “bệnh” nói, viết “sáo rỗng”; tầm quan trọng của việc khắc phục, giải quyết vấn đề  **Thân bài:**  Giải thích: từ "sáo"  Phân tích vấn đề:  + Thực trạng của “bệnh” nói, viết "sáo rỗng" xuất hiện ở các khẩu hiệu, cách sử dụng từ ngữ của một bộ phận cán bộ trên hội nghị, VB báo cáo, những lúc trà dư tửu hậu,...  + Nguyên nhân: Tâm lí đám đông  + Giải pháp: Tự trang bị cho bản thân bản lĩnh, dũng khí, đạo đức, tri thức, niềm tin khoa học,. học hỏi, trau dồi tiếng Việt **Kết bài:** Cần nhận thức rõ tác hại của "căn bệnh" này để có giải pháp khắc phục và phòng tránh khả thi |   **Câu 2:**  - Ở phần thân bài, VB đã triển khai theo trình tự trình bày nhận thức về vấn đề trước, đề xuất giải pháp sau.  - Trình tự mà tác giả lựa chọn có ưu thế trong việc trình bày vấn đề mà VB nêu lên: Sự nhận thức vấn đề càng sâu sắc thì phần giải pháp càng có sức thuyết phục, vấn đề được nhìn nhận một cách tập trung.  b) GV có thể cho HS lập bảng để chỉ ra một số lí lẽ, bằng chứng.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Luận điểm** | **Lí lẽ (ví dụ)** | **Bằng chứng (ví dụ)** | | *Có lẽ, "bệnh" sáo rỗng thời nay dễ thấy nhất là hầu như đ đâu, chỗ nào người ta cũng nói đến từ "4.0" như một thứ mốt thời thượng.* | *Trong hội nghị, trên đăng đàn, ở VB báo cáo, thậm chí cả lúc trà dư tửu hậu, người ta liên tục nhắc đến du thứ "4.0".* | *Không chỉ "trí thức 4.0", "doanh nghiệp 4.0", "doanh nhân 4.0", "lãnh đạo 4.0", "quản lí 4.0", "trường học 4.0",... mà còn "công nhân 4.0", "nông dân 4.0", "trồng rau 4.0", "nuôi cá 4.0",... thậm chí là "bảo mẫu 4.0", "ô sin 4.0", "lao công 4.0",...* | | *Trước đây,*  *"bệnh" sáo rỗng thường xuất hiện ở những câu khẩu hiệu rất hoành tráng, bắt gặp ở nhiều nơi.* | *Ví dụ khẩu hiệu: "Quá khứ oanh liệt, hiện tại vẻ vang, tương lai rực rỡ".* | *Ở cụm từ thứ nhất nhằm mục đích tuyên truyền con người biết trân trọng, tự hào với quá khứ là đúng, nhưng hai cụm từ tiếp theo "hiện tại vẻ vang, tương lai rực rỡ" xuất hiện trong bối cảnh toàn xã hội đang gồng mình vượt qua khó khăn của cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, thậm chí rất nhiều người dân vẫn phải vật lộn với miếng cơm manh áo để tồn tại thì câu khẩu hiệu trên lại trở nên xa lạ với số đông.* |   **Câu 4:** Bài viết đã đề xuất những giải pháp cụ thể:  - Giải pháp 1: Tự trang bị cho bản thân bản lĩnh, dũng khí, đạo đức, tri thức, niềm tin khoa học,...  - Giải pháp 2: Học hỏi, trau dồi tiếng Việt.  **Câu 5:** Cách diễn đạt, lời văn của tác giả có tác dụng trong việc trình bày vấn đề:  - Cách diễn đạt và lời văn của tác giả giúp người đọc nhận thức sâu sắc vấn đề cần giải quyết qua những ví dụ cụ thể, sinh động.  - Cách nói thẳng thắn, cương quyết đã tác đọc sâu sắc đến nhận thức của người tiếp nhận. Ví dụ như: *"Bệnh" sáo rỗng bắt nguồn sâu xa từ thói phô trương, ưa hình thức, sính dùng từ ngữ to tát, mĩ miều để muốn chứng tỏ bản thân là người hiếu biết. Tuy nhiên, nó chẳng khác nào "thùng rỗng kêu to" - câu thành ngữ nhằm ám chỉ, phê phán những người trình độ hiểu biết hạn chế nhưng lại thích khoe khoang, huênh hoang để cố ra vẻ ta đây giỏi lắm, hay lắm"*.  **Câu 6:** Những lưu ý khi viết một bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết:  - Đảm bảo cấu trúc và bố cục bài viết.  - Chọn lựa các diễn đạt phù hợp với nội dung bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.  - Thể hiện thái độ dứt khoát, thẳng thắn, trung thực trong quá trình diễn đạt. | |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

**1.1. Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài**

***a. Mục tiêu:*** Xác định được những nội dung cụ thể cần chuẩn bị cho việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

***b. Nội dung:*** HS đọc đề bài trong SGK, trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - HS đọc đề bài  - Gv hướng dẫn Hs xác định đề tài cho bài viết  - Hs xác định mục đích viết và đối tượng người đọc  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Đại diện 2 - 4 nhóm HS trình bày sản phẩm.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét | Đề bài: [Viết một bài văn nghị luận trình bày một vấn đề cần giải quyết trong đời sống (ví dụ: trong học tập, sinh hoạt, giải trí,...).](https://www.vietjack.com/soan-van-lop-9-ct/viet-mot-bai-van-nghi-luan-trinh-bay-mot-van-de-can-giai-quyet.jsp)  - Đề tài:  + Vấn đề cụ thể, thiết thực, cần giải quyết và có thể giải quyết.  + Vấn đề thuộc phạm vi hiểu biết của em, em có thể trình bày rõ các biểu hiện của vấn đề và đề xuất giải pháp. |

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài (thực hiện tại nhà)**

***a. Mục tiêu:*** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

***b. Nội dung:*** Hs hoàn thiện các PHT

***c. Sản phẩm:*** Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập*:  - Tìm ý cho bài viết theo **PHT số 1**  - Dựa vào cột 2 trong PHT số 1, Hs lập dàn ý cho bài viết theo **PHT số 2**  \* *Thực hiện nhiệm vụ:*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) đến (2).  *\* Báo cáo, thảo luận:*Đại diện1 - 2HS trình bày câu trả lời trước lớp.  *\* Kết luận, nhận định:*GV nhận xét câu trả lời của HS. | **Bước 1: Tìm ý** (PHT số 1)  **Bước 2: Lập dàn ý** (PHT số 2)  **Bước 3: Viết bài**  Triển khai bài viết dựa trên dàn ý. |

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1 Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách xem lại và chỉnh sửa đoạn văn của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

***b. Nội dung:*** Nhóm 2 HS trao đổi bài viết cho nhau để đọc và đánh giá, nhận xét bài viết của bạn dựa vào bảng kiểm

***c. Sản phẩm:*** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm hai HS đổi bài và góp ý bài viết cho nhau dựa vào *Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết* trong SGK.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm đôi HS cùng thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Mời ngẫu nhiên hai nhóm HS đọc trước lớp phần đã chỉnh sửa trong bài viết của bạn.  *\* Kết luận, nhận định:* GV đánh giá và nhận xét | GV nhận xét trên hai phương diện:  - Những ưu điểm và điểm cần chỉnh sửa trong bài viết.  - Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào *Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.* Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ để hướng dẫn các em và đưa ra nhận xét. |

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:*** Rút ra được kinh nghiệm khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.

***b. Nội dung:*** HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân

***c. Sản phẩm:*** Những kinh nghiệm rút ra của HS v

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS ghi lại kinh nghiệm của bản thân.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 1 - 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được.  *\* Kết luận, nhận định:* GV tổng kết, nhận xét, đánh giá. | Hs tự ghi lại |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:***

- Vận dụng được quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục vào việc tạo lập VB.

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

***b. Nội dung:*** Hs chỉnh sửa bài viết

***c. Sản phẩm:*** Bài viết đã được chỉnh sửa một số phần của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn và hoàn thành một trong ba nhiệm vụ sau:  - Chỉnh sửa lại bài văn đã viết cho hoàn chỉnh và công bố.  - Chọn một đề tài khác để thực hiện viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục.  - Sưu tầm một bài viết về kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục, sau đó thực hiện nhận xét, đánh giá, đề xuất điều chỉnh (nếu có).  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* HS về nhà thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS công bố một trong ba loại sản phẩm sau trên blog cá nhân, trang web hoặc bảng học tập của lớp:  - Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục được chỉnh sửa từ bài đã viết trước đó.  - Bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục trong VB mới với đề tài khác.  - Bản nhận xét, đánh giá, đề xuất điều chỉnh (nếu có) về bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục mà HS đã sưu tầm được.  *\* Kết luận, nhận định* | - GV nhận xét thái độ tích cực, chủ động và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập được giao của HS.  - GV và HS tiếp tục sử dụng *Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết* để xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm đối với sản phẩm đã được công bố (ví dụ: Nếu bài viết trên blog cá nhân, trên trang web thì có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách bình luận, hoặc các nút điều khiển biểu thị cảm xúc đối với các sản phẩm,...). |

**V. PHỤ LỤC**

**PHT số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Câu trả lời** |
| Tại sao phải quan tâm đến vấn đề này/ tại sao đây là vấn đề cần phải giải quyết? |  |
| Cần nhận thức vấn đề/ thực chất của vấn đề như thế nào cho đúng? |  |
| Vấn đề gồm những khía cạnh, phương diện nào? Các khía cạnh, phương diện của vấn đề có liên quan, liên hệ gì với nhau? |  |
| Theo đó, thân bài cần triển khai thành các ý / luận điểm nào? Lí lẽ và bằng chứng cho mỗi ý/ luận điểm là gì? |  |
| - Để giải quyết vấn đề cần có (các) giải pháp thế nào?  - Giải pháp được đưa ra có ích lợi ra sao?  - Dựa vào đâu để cho rằng giải pháp được đưa ra là khả thi?  -... |  |

**PHT số 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Nhiệm vụ** | **Áp dụng vào đề tài của em** |
| **Mở bài** | Nêu vấn đề và sự cần thiết của việc giải quyết vấn đề. |  |
| **Thân bài** | Giải thích vấn đề cần giải quyết |  |
| Phân tích vấn đề (thực trạng, nguyên nhân, tác hại) |  |
| Đề xuất các giải pháp khả thi, thuyết phục. |  |
| **Kết bài** | Khẳng định ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề và tầm quan trọng của việc tìm kiếm giải pháp khả thi trong cách giải quyết vấn đề. |  |

**BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Tiêu chí** | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở bài** | Giới thiệu vấn đề cần giải quyết |  |  |
| Nêu tầm quan trọng của vấn đề cần giải quyết. |  |  |
| **Thân bài** | Giải thích vấn đề |  |  |
| Trình bày luận điểm phân tích các khía cạnh của vấn đề |  |  |
| Phân tích lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ các khía cạnh của vấn đề |  |  |
| Trình bày luận điểm đề xuất các giải pháp |  |  |
| Phân tích lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ các giải pháp cần thực hiện |  |  |
| Luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. |  |  |
| **Kết bài** | Khẳng định lại ý nghĩa của việc khắc phục, giải quyết vấn đề. |  |  |
| Rút ra bài học cho bản thân. |  |  |
| **Diễn đạt** | Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu |  |  |
| Mở bài lôi cuốn, hấp dẫn |  |  |
| Kết bài ấn tượng |  |  |

**Bài 9**

**NHỮNG BÀI HỌC TỪ TRẢI NGHIỆM ĐAU THƯƠNG**

**Tiết theo PPCT: 123**

DẠY NÓI VÀ NGHE

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VÈ MỘT SỰ VIỆC CÓ TÍNH THỜI SỰ**

Thời gian thực hiện: 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

Nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**2. Phẩm chất**

Giữ sự trung thực khách quan khi phản ánh một vấn đề mang tính thời sự.

**II. KIẾN THỨC**

Cách nắm bắt nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phấn/ bút lông,...

- PHT,...

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**1. Hoạt động khởi động**

***a. Mục tiêu:***

- Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến kĩ năng nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

- Xác định được (những) tình huống trong thực tế cần nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

***b. Nội dung:*** HS đọc khung Yêu cầu cần đạt trong SGK, tên đề mục phần kĩ năng Viết và trả lời câu hỏi sau để xác định nhiệm vụ học tập

***c. Sản phẩm*:** Câu trả lời của HS về hiểu biết nền liên quan đến kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự và (những) tình huống trong thực tế cần.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Nhóm hai HS trả lời các câu hỏi:  - Theo em, làm thế nào để nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự? Cho ví dụ những điều nên và không nên khi thực hiện công việc này.  - Trong những tình huống nào của cuộc sống, chúng ta cần nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Nhóm hai HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 - 3 HS trả lời câu hỏi. Các nhóm HS khác góp ý, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định* | Hs chia sẻ |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động chuẩn bị cho việc nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự**

***a. Mục tiêu:*** Liệt kê được những thao tác cần thực hiện để chuẩn bị cho nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo lựa chọn cá nhân.

***b. Nội dung:*** HS trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Sơ đồ tóm tắt quy trình thực hiện cuộc thảo luận về một vấn đề trong đời sống của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS đọc phần *Nói và nghe* (trong SGK), liệt kê những thao tác cần thực hiện để chuẩn bị cho việc nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.  *\* Thực hiện nhiệm vụ****:*** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* 2 - 3 HS báo cáo sản phẩm đã thực hiện. Những HS khác trao đổi, góp ý (nếu có) về tính hợp lí, cần thiết của các thao tác đã được liệt kê.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét thái độ tham gia nhiệm vụ học tập của các nhóm HS, hướng dẫn HS kết luận về một số thao tác cần thực hiện để chuẩn bị cho việc nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự | - Thành lập nhóm và phân công nhiệm vụ (số thành viên trong nhóm; phân công nhóm trưởng, thư kí;...).  - Thống nhất mục tiêu, thời gian thảo luận.  - Xác định đối tượng nghe, chọn cách nói để thuyết phục. |

**2. Hoạt động làm mẫu cách thức thực hiện cho việc nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự**

***a. Mục tiêu:*** Biết cách thực hiện thao tác nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

***b. Nội dung:*** Hs quan sát

***c. Sản phẩm:*** Bản ghi chú những điều cần lưu ý và câu hỏi về những điều chưa rõ khi quan sát người khác thực hiện thao tác nắm bắt được nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - GV trình chiếu một đoạn video có nội dung: Nhóm HS đang thảo luận, một HS làm nhiệm vụ ghi chép nội dung chính của cuộc thảo luận và trình bày lại.  - HS quan sát, ghi chép những công việc được các thành viên trong nhóm (của đoạn video) tiến hành; nêu câu hỏi về những điều chưa rõ, cần được giải thích thêm (nếu có).  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trao đổi kết quả ghi chép cho nhau và nêu câu hỏi cho GV.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS thông qua việc quan sát thái độ theo dõi hoạt động làm mẫu và kết quả ghi chép của đại diện một số HS. Sau đó, GV giải đáp thắc mắc của HS (nếu có). |  |

**C. HOẠT ĐỘNG** **LUYỆN TẬP**

**1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe**

***a. Mục tiêu:*** Thực hiện được nhiệm vụ trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo lựa chọn cá nhân.

***b. Nội dung:*** HS trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo lựa chọn cá nhân.

***c. Sản phẩm:*** Nội dung trình bày của Hs

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) Thành lập nhóm thảo luận, mỗi nhóm 4 - 6 HS, bầu nhóm trưởng, thư kí và đặt tên nhóm.  (2) Các nhóm chọn sự việc cần thảo luận theo định hướng trong SGK.  (3) Tiến hành thảo luận dựa về sự việc đã chọn.  (4) Thư kí ghi biên bản thảo luận  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Các thành viên trình bày ý kiến dưới sự dẫn dắt của nhóm trưởng; đồng thời đối chiếu với *Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự* ở Bài 6 (trong SGK) để tự kiểm soát quá trình trình bày ý kiến của các thành viên trong nhóm.  *\* Kết luận, nhận định:* GV trợ giúp cho từng nhóm, hướng dẫn giải quyết những vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện. |  |

**2. Hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**

***a. Mục tiêu:***

- Tự đánh giá những ưu điểm và hạn chế cần khắc phục khi trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời và những nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  (1) HS đọc lại *Bảng kiểm kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề thời sự* ở Bài 6 (trong SGK) để định hướng cách trình bày.  (2) Nêu một điều em đã làm tốt và một điều chưa tốt về kĩ năng trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự; nêu giải pháp khắc phục điều chưa tốt (trình bày trên giấy A0).  *\* Thực hiện nhiệm vụ*: Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Mỗi nhóm treo sản phẩm lên bảng, cả lớp thảo luận, rút kinh nghiệm.  *\* Kết luận, nhận định:*  - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS | - Gv chỉ ra những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách thảo luận một vấn đề có tính thời sự (ví dụ: Vấn đề HS chọn phải có tính thời sự, vừa tầm với HS; kĩ năng trình bày ý kiến, kĩ năng lắng nghe, tranh luận,...).  - GV giải đáp những thắc mắc của HS (nếu có). |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

***a. Mục tiêu:***

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhận xét cách trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo lựa chọn cá nhân, trong một tình huống giao tiếp thực tế.

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập.

***b. Nội dung:*** Hs thực hiện nhiệm vụ do GV đề xuất

***c. Sản phẩm:*** Bài nhận xét của HS được thực hiện ở nhà.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:*  - GV giao nhiệm vụ học tập cho HS thực hiện ở nhà:  + Tìm xem một đoạn video với nội dung nội dung trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo lựa chọn cá nhân, sau đó:  - Thông qua nội dung video đã xem, đánh giá được quy trình trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự theo lựa chọn cá nhân.  - Sau khi hoàn thành, đính/ dán bài nhận xét, đánh giá lên bảng học tập của lớp hoặc chụp hình bài nhận xét, đánh giá đăng tải trên lớp học Google, nhóm Facebook của lớp.  *Lưu ý:* Tuỳ theo điều kiện thực tế của lớp học, GV có thể chọn hình thức giao bài và trình bày sản phẩm học tập sao cho phù hợp.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS nộp bài lên bảng học tập hoặc nhóm Facebook của lớp, dùng bảng kiểm để tự nhận xét và nhận xét lẫn nhau.  *\* Kết luận, nhận định* | GV nhận xét thái độ thực hiện nhiệm vụ học tập của HS (nộp bài đúng hạn/ không đúng hạn, mức độ tích cực thực hiện hoạt động tự nhận xét, nhận xét lẫn nhau) và sản phẩm học tập (bài nhận xét, đánh giá) của HS. |

**IV. PHỤ LỤC**

**Bài 9**

**NHỮNG BÀI HỌC TỪ TRẢI NGHIỆM ĐAU THƯƠNG**

**Tiết theo PPCT: 124**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**1.2. Năng lực đặc thù**

- Vận dụng được các năng lực để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập

**2. Phẩm chất:**

Đồng cảm và tôn trọng cảm xúc của người khác.

**II. Kiến thức**

Củng cố kiến thức về Đọc – viết – nói – nghe trong chủ điểm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bảng, phấn/ bút lông.

- SGK, SGV,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu:*** Tạo hứng thú cho HS

***b. Nội dung:*** Hs trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* Hãy chia sẻ một trải nghiệm đáng nhớ nhất trong thời thơ ấu của em.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS lắng nghe, suy nghĩ tìm câu trả lời, sau đó chia sẻ với bạn.  *\* Báo cáo, thảo luận:* Một số HS trình bày câu trả lời, các HS khác bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* | Hs chia sẻ |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

***a. Mục tiêu:***

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Củng cố được kiến thức đã học về Đọc, tiếng Việt, Viết, Nói và nghe trong bài học.

- Trình bày phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà.

***b. Sản phẩm:***Câu trả lời cho các câu hỏi Ôn tập của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS xem lại phần chuẩn bị các câu hỏi ôn tập đã thực hiện ở nhà, sau đó trình bày kết quả theo hình thức nhóm đôi.  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS xem lại, chỉnh sửa, hoàn thiện phần chuẩn bị ở nhà, sau đó chia sẻ với bạn cùng nhóm đôi.  *\* Báo cáo, thảo luận*: HS trình bày kết quả phần chuẩn bị. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá phần chuẩn bị của HS. Sau đó, GV kết luận những kiến thức trọng tâm về kĩ năng đọc, viết, nói và nghe đã được học. |  |
| **Câu 1:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Yếu tố** | ***Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man*** | ***Tình yêu và thù hận*** | ***Cái bóng trên tường*** | | Xung đột/ hành động | - Xung đột giữa cái cao cả (con người) với cái thấp kém (ác quỷ)  - Biểu hiện: Xung đột giữa quỷ Riếp - hoàng hậu tiếm ngôi - Su-pa-kha, kẻ sàm tấu, lũng đoạn triều đình, tìm mọi cách hãm hại Si-ta cùng những người yêu quý, bảo vệ Si-ta như Ha-nu-man, thị nữ của Si-ta | - Xung đột giữa cái cao cả (tình yêu) với cái thấp kém (hận thù dòng họ)  - Biểu hiện: Xung đột giữa tình yêu trong sáng, hồn nhiên của đôi trẻ với lòng thù hận lâu đời giữa hai dòng họ; xung đột giữa những cảm xúc yêu thương mãnh liệt với niềm dự cảm, lo ngại tình yêu có thể bị cấm đoán | - Xung đột giữa cái cao cả (sự thuỷ chung, độ lượng) với cái thấp kém (sự bất cẩn, hồ đồ, ghen tuông mù quáng)  - Biểu hiện: Xung đột giữa thói hồ đồ, ghen tuông mù quáng của người chồng với lòng thuỷ chung của người vợ | | Đối thoại, độc thoại | VB dùng đối thoại không dùng độc thoại; nhiều lượt thoại giàu kịch tính hoặc tính triết lí | VB sử dụng nhiều đoạn độc thoại biểu đạt những rung động trong tình yêu của đôi trẻ, giàu hình ảnh, chất thơ | VB sử dụng hình ảnh biểu tượng, tiếng nói ẩn hình, hình bóng của nhân vật, tạo dư âm của các lời thoại | | Nội dung câu chuyện | Câu chuyện về sự bại lộ âm mưu của quỷ Riếp và cuộc đoàn tụ của cha con hoàng đế Pơ-liêm | Câu chuyện về cuộc gặp mặt để giãi bày tình yêu giữa Rô-mê-ô và Giu-li-ét | Câu chuyện oan tình liên quan đến những cái bóng trên tường |   **Câu 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Qua cách ứng xử** | **Pơ-liêm trong *Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man*** | **Người đàn ông trong**  ***Cái bóng trên tường*** | | Cách ứng xử với vợ | Chịu sự xui khiến của quỷ và lòng ghen tuông hồ đồ, đối xử bất công, vô lí với vợ (nàng Si-ta) | Vì ghen tuông hồ đồ, mù quáng, đối xử độc đoán, lạnh lùng với vợ (người đàn bà) | | Cách ứng xử với bản thân | Lúc tỉnh ngộ, phải ân hận, trả giá cho sai lầm của mình | Lúc tỉnh ngộ, phải ân hận, trả giá cho sai lầm của mình |   Đặc điểm của nhân vật bi kịch, nhất là nhược điểm: Nhân vật chính trong bi kịch thường có bản chất tốt đẹp, có khát vọng vượt lên và thách thức số phận, nhưng cũng có thể có những nhược điểm, sai lầm dẫn đến phải trả giá đắt, thậm chí bằng cả cuộc đời của mình và những gì mình trân trọng. Do vậy, nhân vật Pơ-liêm trong *Pơ-liêm, quỷ Riếp và Ha-nu-man* và nhân vật người đàn ông trong *Cái bóng trên tường* đều là những nhân vật mang nhược điểm thường gặp nói trên của nhân vật chính trong bi kịch.  **Câu 3:**  - Nhận xét về ngôn ngữ đối thoại của hai nhân vật Rô-mê-ô và Giu-li-ét:  + *Thể hiện tình yêu say đắm và mãnh liệt:* Rô-mê-ô và Giu-li-ét sử dụng những lời lẽ nồng nàn, tha thiết để bày tỏ tình yêu của mình dành cho nhau. Họ trao cho nhau những lời thề, những lời hẹn ước sẽ yêu nhau mãi mãi. Ngôn ngữ của họ thể hiện sự đồng điệu về tâm hồn, sự hoà hợp về tư tưởng.  + *Thể hiện sự đối lập giữa tình yêu và thù hận:* Tình yêu của Rô-mê-ô và Giu-li-ét bị cấm đoán bởi mối thù hận dai dẳng giữa hai gia đình Môn-ta-ghiu và Ca-piu-lét. Ngôn ngữ của họ cũng thể hiện sự đối lập này: Vừa nồng nàn, lãng mạn, vừa bi thương, uất hận.  + *Sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ, so sánh:* Rô-mê-ô thường so sánh Giu-li-ét với những hình ảnh đẹp đẽ trong thiên nhiên như mặt trời. Giu-li-ét cũng so sánh Rô-mê-ô với những chàng trai anh hùng, lãng mạn trong truyền thuyết.  + *Sử dụng ngôn ngữ thơ ca:* Ngôn ngữ đối thoại của Rô-mê-ô và Giu-li-ét có nhiều nhịp điệu, vần điệu, tạo tính nhạc trong lời thoại. Điều này góp phần tăng tính biểu cảm cho ngôn ngữ, làm cho lời thoại của họ thêm da diết, thổn thức.  - Nhận xét về ngôn ngữ độc thoại của hai nhân vật Rô-mê-ô và Giu-li-ét:  + *Thể hiện tâm trạng và suy nghĩ nội tâm của nhân vật:* Qua những lời độc thoại, Rô-mê-ô và Giu-li-ét bộc lộ tâm trạng, cảm xúc sâu kín của mình. Họ chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn, những hi vọng, lo âu về tình yêu và cuộc sống.  + *Thể hiện sự trưởng thành của nhân vật:* Qua những lời độc thoại, ta có thể thấy được sự trưởng thành của Rô-mê-ô và Giu-li-ét. Họ không còn là những đứa trẻ ngây thơ, mà đã trở nên chín chắn, bản lĩnh hơn.  + *Sử dụng nhiều ngôn ngữ tượng trưng:* Rô-mê-ô và Giu-li-ét thường sử dụng những hình ảnh ẩn dụ, so sánh để thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình. Điều này làm cho lời độc thoại của họ thêm giàu sức gợi và biểu cảm.  Qua ngôn ngữ đối thoại, độc thoại của Rô-mê-ô, Giu-li-ét, sếch-xpia đã biến hai nhân vật này trở thành biểu tượng cho tình yêu đích thực và sự hi sinh trong tình yêu.  **Câu 4:** GV yêu cầu HS đặt hai câu đơn đầy đủ thành phần, sau đó biến đổi hoặc mở rộng cấu trúc câu và chỉ ra cách biến đổi/ mở rộng cấu trúc câu mà HS đã sử dụng.  Câu đơn đầy đủ thành phần:  (la) *Tôi đi học.*  (2a) *Mưa rơi tí tách.*  Câu mở rộng thành phần:  (lb) *Tối nay, tôi đi học ngoại ngữ.*  (2b) *Ngoài sân, từng giọt mưa rơi tí tách.*  So với câu 1a, câu 1b được mở rộng cấu trúc bằng cách thêm thành phần trạng ngữ ("tối nay"); mở rộng thành phần vị ngữ bằng cách sử dụng một cụm động từ ("đi học ngoại ngữ") có cấu trúc phức tạp hơn cụm động từ làm vị ngữ ở câu 1a.  So với câu 2a, câu 2b được mở rộng cấu trúc bằng cách thêm thành phần trạng ngữ ("ngoài sân"); được mở rộng thành phần chủ ngữ bằng cách sử dụng một cụm danh từ ("từng giọt mưa") làm chủ ngữ.  Câu 5:  Nêu yêu cầu đối với việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết. Minh họa việc đáp ứng yêu cầu về bố cục kiểu bài bằng bài viết của em hoặc bài Phòng ngừa “bệnh” nói, viết sáo rỗng ở phần Viết.  Trả lời:  \* Yêu cầu đối với việc viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết:  - Về nội dung:  + Bám sát chủ đề, vấn đề cần giải quyết.  + Lập luận chặt chẽ, logic, dẫn chứng xác thực, tiêu biểu, phù hợp với thực tế.  + Sử dụng ngôn ngữ chính xác, rõ ràng, mạch lạc  - Về bố cục:  + Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần giải quyết, nêu ý kiến của bản thân.  + Thân bài:  • Giải thích nguyên nhân, hậu quả của vấn đề.  • Phân tích, đánh giá các giải pháp đã và đang thực hiện.  • Đề xuất giải pháp khắc phục vấn đề  + Kết bài: Khẳng định lại nghĩa của việc nhận thức và tìm kiếm giải pháp khả thi cho vấn đề.  \* Minh họa việc đáp ứng yêu cầu về bố cục kiểu bài: Bài viết Phòng ngừa “bệnh” nói, viết sáo rỗng đã đáp ứng các yêu cầu về bố cục của một bài văn nghị luận về vấn đề cần giải quyết:  - Mở bài: Giới thiệu vấn đề, nêu ý kiến.  - Thân bài: Giải thích nguyên nhân, hậu quả, giải pháp, phân tích hiệu quả và hạn chế.  - Kết bài: Khẳng định ý kiến, liên hệ bản thân, rút ra bài học.  Câu 6: Nêu một số lưu ý khi trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự.  Trả lời:  Khi trình bày ý kiến về một sự việc có tính thời sự, có một số lưu ý quan trọng sau đây:  - Hiểu rõ vấn đề: Trước khi trình bày ý kiến, hãy nghiên cứu và hiểu rõ về sự việc đó.  - Sử dụng nguồn thông tin đáng tin cậy: Hãy sử dụng các nguồn thông tin đáng tin cậy và kiểm tra tính xác thực của thông tin trước khi trình bày ý kiến.  - Phân tích và đánh giá: Trình bày ý kiến của mình dựa trên phân tích và đánh giá khách quan về sự việc. Hãy trình bày các lập luận và bằng chứng hợp lý để minh chứng cho quan điểm của bạn.  - Sắp xếp ý kiến một cách logic: Trình bày ý kiến của mình một cách có cấu trúc và logic. Sắp xếp các ý kiến theo thứ tự logic và sử dụng các từ nối để kết nối các ý kiến với nhau.  - Tự tin và lắng nghe ý kiến khác: Trình bày ý kiến của mình một cách tự tin, nhưng cũng hãy lắng nghe ý kiến của người khác và sẵn sàng thay đổi quan điểm nếu có bằng chứng và lập luận thuyết phục.  Câu 7: Tại sao nhiều bài học sâu sắc, quý giá thường được rút ra từ trải nghiệm thực tế đời sống?  Trả lời:  Trải nghiệm thực tế đời sống là nguồn cảm hứng vô tận để rút ra những bài học sâu sắc và quý giá. Khi chúng ta trải qua những trải nghiệm thực tế, chúng ta được đối mặt với những thách thức, khó khăn và cảm nhận trực tiếp những cung bậc cảm xúc. Điều này giúp chúng ta hiểu rõ hơn về bản thân, về con người và về cuộc sống. Những bài học từ trải nghiệm thực tế đời sống giúp chúng ta phát triển kỹ năng sống, rèn luyện sự nhạy bén, sáng tạo và khám phá những giá trị thực sự trong cuộc sống. | |

**C. HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN VỀ CÂU HỎI LỚN CỦA CHỦ ĐIỂM**

***a. Mục tiêu:*** HS trình bày thêm ý kiến về câu hỏi lớn đầu bài học, qua đó hiểu thêm về chủ điểm *Những bài học từ trải nghiệm đau thương.*

***b. Nội dung:*** Hs trình bày ý kiến về câu hỏi lớn của bài học

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| *\* Giao nhiệm vụ học tập:* HS thảo luận nhóm đôi để trả lời các câu hỏi:  - Sau khi học xong bài này, em có thêm ý kiến gì mới về câu hỏi lớn đầu bài học hay không?  - Em có thay đổi ý kiến mà mình đã nêu ra ở đầu bài học để trả lời cho câu hỏi lớn không?  - Bài học ứng xử em rút ra được sau khi học chủ điểm này là gì?  *\* Thực hiện nhiệm vụ:* Cá nhân HS trả lời, sau đó trao đổi với bạn cùng nhóm.  *\* Báo cáo, thảo luận:* HS trình bày câu trả lời trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  *\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, tổng kết câu trả lời của HS. GV khơi gợi để các em tiếp tục suy nghĩ về câu hỏi lớn sau khi kết thúc bài học. | Hs chia sẻ |

**V. PHỤ LỤC**